MỤC LỤC

PHẦN I. Mở đầu 1

PHẦN II. Nội dung..... 2

A. Một số tư liệu phục vụ dạy học Địa lí 11 2

Bài 1. Sự tương phản về trình độ kinh tế - xã hội của các nhóm nước.

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại 2

Bài 3. Một số vấn đề mang tính toàn cầu..... 9

Bài 5 (Tiết 1). Một số vấn đề của châu Phi..... ..... .13

Bài 5 (Tiết 3). Một số vấn đề của khu vực Tây Nam Á và

khu vực Trung Á 14

Bài 6. Hợp chúng quốc Hoa Kì..... 20

Bài 7. Liên minh châu Âu (EU) 22

Bài 8. Liên Bang Nga..... 23

Bài 9. Nhật Bản 23

Bài 10. Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa..... 26

Bài 11. Các nước Đông Nam Á 29

B. Một số kinh nghiệm khi sử dụng tư liệu phục vụ dạy học Địa lí 11 .. 31

PHẦN III. Kết luận..... 32

Phần đánh giá và xếp loại của Hội đồng xét sáng kiến kinh nghiệm, chuyên đề của Trường và Sở GD & ĐT 33

Tư liệu tham khảo.....35

I. MỞ ĐẦU

Thế giới hiện đại đang biến đổi một cách mạnh mẽ, sâu sắc. Ngay cả những người có óc tưởng tượng phong phú nhất cũng không thể hình dung hết được những biến đổi đang từng ngày, từng giờ diễn ra trên Trái Đất của chúng ta. Những kết quả to lớn, kì diệu cũng như những nguy cơ, rủi ro không nhỏ từ sự biến đổi của thế giới mang lại ngày càng thu hút sự quan tâm của toàn xã hội, trong đó có các giáo viên Địa lí và các em học sinh phổ thông.

Chương trình, SGK Địa lí 11 tạo cho học sinh cơ hội để có được những kiến thức cơ bản của thế giới hiện đại và về một số nước, một số khu vực tiêu biểu trên thế giới. Tuy nhiên, để hiểu thực sự về thế giới hiện đại với những đặc điểm cơ bản của nó, để biết rõ những động lực và những xu hướng phát triển sẽ tạo nên diện mạo của thế giới trong tương lai, cũng như để nhận dạng và nhận thức rõ ràng về những quốc gia tiêu biểu đại diện cho một thế giới thống nhất trong đa dạng thì cần có những kiến thức bổ sung thêm cho các bài học Địa lí đã có trong SGK Địa lí 11. Với mục đích như vậy, tôi đã sưu tầm và chọn lọc ***"Một số tư liệu phục vụ dạy học Địa lí 11"***.

II. NỘI DUNG

A. MỘT SỐ TƯ LIỆU PHỤC VỤ DẠY HỌC ĐỊA LÍ 11

BÀI 1
SỰ TƯƠNG PHẢN VỀ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA CÁC NHÓM NƯỚC. CUỘC CÁCH MẠNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI

I. Phân loại các nước đang phát triển

Chúng ta bắt đầu với sự phân loại chung các nước trên thế giới thành ba nhóm: Nhóm các nước thuộc Thế giới thứ nhất, các nước Thế giới thứ hai, và các nước Thế giới thứ ba. Rồi chúng ta đề cập đến bốn phân loại cụ thể hơn. Đó là:

1. Hệ thống phân loại của Liên hợp quốc (UN): Đây là một phân loại về các nước Thế giới thứ ba (đang phát triển), đó là các thành viên Liên hợp quốc trong năm 1992. Sự phân loại này dựa trên cơ sở thu nhập bình quân đầu người GNP và có ba loại chính. Đó là: 1. "Kém phát triển nhất": 44 thành viên nghèo nhất của Liên hợp quốc nằm trong nhóm này, 2. "Các nước đang phát triển": Nhóm này bao gồm 8 nước không xuất khẩu dầu, 3. Tổ chức các nước xuất khẩu dầu lửa (OPEC): Nhóm nước này gồm 13 quốc gia có thu nhập quốc gia tăng mạnh từ những năm 1970.

***2. Tiêu chí của Ngân hàng Thế giới (WB)*:** Sự phân chia này bao gồm các nước đang phát triển và các nước phát triển. 132 nước với quy mô dân số hơn 1 triệu người được chia thành 4 nhóm theo thu nhập bình quân đầu người. Những nhóm này là: **1**. Thu nhập thấp, **2**. Thu nhập trung bình, **3**. Thu nhập trên trung bình, **4**. Thu nhập cao. Phần lớn 108 nước đang phát triển nằm ở nhóm thứ 3 trong khi 19 nước phát triển và 5 nước đang phát triển nằm ở nhóm Thu nhập cao.

***3. Tiêu chí phân loại của UNDP*:** Sự phân loại này của Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) là cố gắng lớn nhất để phân loại các nước trên thế giới (cả các nước đang phát triển và các nước phát triển). Sự phân loại này dựa trên cơ sở *Chỉ số Phát triển Con người HDI* chứ không phải là tiêu chí thu nhập bình quân đầu người. HDI là một thước đo phát triển bên cạnh thu nhập bình quân đầu người, nó cũng kết hợp với tuổi thọ, tỷ lệ sinh đẻ và kiến thức, tỷ lệ biết chữ trung bình và số năm tới trường. Tiêu chí HDI hay hơn tiêu chí thu nhập bình quân đầu người bởi vì nó kết hợp cả hai yếu tố kinh tế và phi kinh tế - các yếu tố quyết định chất lượng cuộc sống. Có 3 phân loại dựa trên tiêu chí này. 1. Các nước Phát triển Con người cao (HDI lớn hơn hoặc bằng 80), 2. Các nước phát triển con người trung bình (chỉ số HDI lớn hơn hoặc bằng 51 và nhỏ hơn hoặc bằng 79), và 3 là Các nước Phát triển con người thấp (chỉ số HDI nhỏ hơn hoặc bằng 50).

***4. Tiêu chí OECD*:** OECD có nghĩa là Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế. Tiêu chí này đưa ra một phân loại về các nước thế giới thứ ba và bao gồm cả các nước

không nằm trong hệ thống Liên hợp quốc. Phân loại này gồm có: 1. Low Income Countries (LIC) (Các nước thu nhập thấp), 2. Middle Income Countries (Các nước có thu nhập trung bình), 3. Newly Income Countries (Các nước công nghiệp mới), và 4. OPEC (các nước thuộc OPEC).

Bởi vì có khoảng 145 nước thuộc thế giới thứ ba, có thể dễ hiểu là những nước này sẽ rất khác nhau về văn hoá, các điều kiện kinh tế, cơ cấu chính trị và xã hội, v.v... Đồng thời, vì những nước này đều là các nước đang phát triển, nên chắc chắn là họ cũng có những điểm chung. Để tìm hiểu sự phát triển, việc nghiên cứu các khác biệt và tương đồng giữa các quốc gia đang phát triển rất là quan trọng. Trong quá trình này chúng ta nên nhận biết một số đặc điểm chính, việc có hay không có các đặc điểm đó có thể giúp hay làm chậm lại tiến trình phát triển. Phần này sẽ chủ yếu đề cập đến những nét tương đồng và khác biệt giữa các nước đang phát triển.

**** Các khác biệt về cơ cấu giữa các nước đang phát triển***

Các nước đang phát triển được đánh giá khác so với nước phát triển ở 8 đặc điểm chính, đó là:

1. *Quy mô đất nước*: Một nước có thể rộng về diện tích tự nhiên, dân số đông hay bởi mức thu nhập quốc dân cao. Khi bạn tìm hiểu về lĩnh vực này, cố gắng nhận biết các thuận lợi và bất lợi khi có diện tích tự nhiên rộng.

2. *Nền tảng/bối cảnh lịch sử:* Cố gắng hiểu ra tại sao lịch sử thuộc địa của một nước lại quan trọng. Sự cai trị thực dân thường có một ảnh hưởng lớn tới các thể chế và văn hoá trước đó của một đất nước bị trị. Một vài ảnh hưởng có tính tích cực nhưng một số thì rất tính tiêu cực. Khi chấm dứt sự cai trị của chế độ thực dân đó, phải mất một thời gian dài để các nước mới độc lập tìm ra con đường phát triển riêng của mình. Vì thế, biết được khi nào một đất nước được độc lập hay vào thời điểm nào nó nằm dưới sự thống trị của thực dân hay không là rất quan trọng. (TQ hiệu đính: sự cai trị thực dân ảnh hưởng cả tiêu cực và tích cực đến văn hoá bị cai trị). Hiểu biết sự ảnh hưởng đó rất là quan trọng. Nếu không, sau khi độc lập và chống thực dân, chúng ta loại bỏ tất cả các ảnh hưởng thực dân, thì vô tình chúng ta loại bỏ cả hai ảnh hưởng "tích cực" và "tiêu cực". "Biết người biết ta, trăm trận trăm thắng" không chỉ áp dụng vào binh pháp và chiến trường, mà còn có thể áp dụng vào thương trường. Sự hiểu biết chính đáng của giai cấp lãnh đạo tất ư rất quan trọng."

3. *Nguồn lực con người và tự nhiên:* Các nguồn lực tự nhiên (bao gồm đất đai, khoáng sản, và các nguyên liệu tự nhiên khác) của một nước có thể tạo ra một sự khác biệt lớn trong phong cách sống của người dân đất nước đó. Những nước đang phát triển rất khác nếu sở hữu những nguồn tài nguyên thiên nhiên này khác nhau. Kông chỉ có vậy, họ cũng rất khác về nguồn nhân lực. Một số nước có thể có nguồn nhân lực nhỏ nhưng có trình độ, tay nghề cao. Trong khi một số nước có thể có một lượng dân rất lớn nhưng trình độ dân trí thấp, ít hay không được học hành. Tuy nhiên có thể đông dân cư đồng thời có trình độ dân trí cũng như tay nghề cao.

4. *Thành phần tôn giáo và dân tộc:* Một đất nước càng đa dạng về các thành phần tôn giáo và sắc tộc thì đất nước đó càng có nhiều bất ổn về chính trị và xung đột

trong nước. Những xung đột và bất ổn chính trị trong nước này có thể dẫn tới các xung đột bạo lực và thậm chí là các cuộc nội chiến, có thể dẫn tới tình trạng lãng phí các nguồn lực quý giá đáng ra phải sử dụng để thúc đẩy các mục tiêu phát triển khác. Chẳng hạn như cuộc chiến ở Afghanistan, Sri Lanka, Bosnia, CHDC Cônggô, v.v... Nói chung một đất nước càng đồng nhất thì càng dễ để đạt được các mục tiêu phát triển của mình. Ví dụ như Hàn Quốc, Đài loan, Singapore, Hồng Kông.

5. *Tầm quan trọng tương đối của các khu vực tư nhân và công cộng:* Tầm quan trọng tương đối và quy mô của khu vực công cộng và tư nhân khác rất nhiều ở các nước đang phát triển. Các nước có nguồn nhân lực ở trình độ thấp thì thường có khu vực công cộng phát triển và có nhiều doanh nghiệp sở hữu nhà nước, dựa trên quan niệm là nguồn nhân lực có trình độ hạn chế có thể được sử dụng tốt nhất bằng việc hợp tác chứ không phải là các hoạt động kinh doanh hành chính nhỏ lẻ. Nhiều nước mắc phải quan điểm sai lầm lớn này (có khu công cộng lớn) không có được nhiều thành tựu phát triển. Các chính sách kinh tế nhằm thúc đẩy các mục tiêu phát triển sẽ phải khác với các nước tùy vào sự quân bình giữa thành phần của khu vực công cộng và tư nhân khác nhau.

6. *Cơ cấu công nghiệp:* Các nước đang phát triển khác nhiều về quy mô và chất lượng của cơ cấu công nghiệp. Quy mô và hình thức của khu vực công nghiệp phụ thuộc vào các chính sách được thông qua trong quá khứ - vì nó có thể phải giải quyết nhiều vấn đề lịch sử của đất nước.

7. *Sự phụ thuộc bên ngoài:* Sự phụ thuộc bên ngoài có thể là phụ thuộc về kinh tế, chính trị hay văn hoá. Các nước đang phát triển hầu hết là các nước nhỏ và kém phát triển, phải phụ thuộc nhiều vào các nước phát triển về thương mại, công nghệ và đào tạo. Quy mô phụ thuộc giữa các nước là khác nhau và nó còn bị ảnh hưởng bởi quy mô, lịch sử và vị trí của đất nước.

8. *Cơ cấu chính trị, các nhóm lợi ích và quyền lực:* Các nước đang phát triển cũng khác về quy mô của nhóm lợi ích và ảnh hưởng của họ đối với cơ cấu quyền lực chính trị. Mặc dù các nhóm lợi ích được xem là có mặt trong mọi xã hội, nhưng hầu hết các nước đang phát triển bị các nhóm chóp bu nhỏ và vài người lãnh đạo trực tiếp hay gián tiếp thống trị ở một mức độ lớn hơn so với các nước phát triển. Sự thay đổi hiệu quả về kinh tế và chính trị vì thế đòi hỏi phải có cả sự ủng hộ của nhóm chóp bu đó và quyền lợi của các nhóm đó phải được bù đắp bởi các lực lượng dân chủ hùng mạnh hơn.

**** Các đặc điểm chung của các nước đang phát triển***

Những điểm giống nhau giữa các nước đang phát triển có thể được phân thành 7 điểm chính:

1. *Mức sống thấp:* Bởi vì các nước đang phát triển là những nước còn nghèo, nên thật dễ hiểu khi mức sống của họ còn khá thấp so với mức sống ở các nước phát triển. Tuy nhiên, thật ngạc nhiên khi xem xét quy mô sự khác nhau trong mức sống giữa một nước phát triển và một nước đang phát triển. Một so sánh về mức sống giữa hai nhóm nước này được đưa ra trong một mục của cuốn sách này với một tiêu đề

chung. Sự khác nhau về mức sống đã được đề cập rõ về Thu nhập bình quân đầu người *(chú ý: phải tổng kết chắc chắn khái niệm "Theo đuổi sự bình đẳng về quyền lực" và lợi thế về "tỷ giá hối đoái" trong việc so sánh mức sống),* tỷ lệ gia tăng GNP tương đối, phân phối thu nhập quốc dân, quy mô đói nghèo *(chú ý: "nghèo đói tối đa" và "giới hạn nghèo đói quốc tế" là những khái niệm quan trọng mà bạn nên biết đến),* y tế và giáo dục. Một thước đo về y tế được đánh giá bởi *tỷ lệ tử vong trẻ em,* thiếu lương thực thực phẩm và bản chất cũng như quy mô của việc thiếu hệ thống chăm sóc sức khoẻ con người ở các nước thế giới thứ ba.

2. *Sản lượng thấp:* Năng suất lao động ở các nước đang phát triển thấp. Lý do là thiếu vốn tự nhiên (yếu tố cơ bản của sản lượng biên) và chất lượng lao động thấp. Chúng ta cũng đề cập đến quan điểm về "việc tạo ra kết quả tích luỹ luân chuyển" của Gunner Myrdal. Năng suất lao động có thể được tăng lên theo hai cách. Thứ nhất là bằng việc huy động các nguồn tiết kiệm trong nước và tài chính ngoài nước để tạo ra sự đầu tư mới cho hàng hoá vốn tự nhiên và thứ hai là bằng việc xây dựng nguồn vốn con người thông qua đầu tư vào giáo dục và đào tạo.

3. *Tỷ lệ tăng dân số cao và gánh nặng phụ thuộc*: Tỷ lệ sinh và tỷ lệ tử vong ở các nước đang phát triển cao hơn tỷ lệ cùng loại ở các nước phát triển. Điều này cũng góp phần tạo ra gánh nặng phụ thuộc cao ở các nước đang phát triển. (Chú ý: định nghĩa về tỷ lệ sinh thô và tỷ lệ tử vong thô là rất quan trọng)

4. *Mức thất nghiệp và bán thất nghiệp cao và ngày càng tăng:* Chúng ta đã đề cập đến sự khác nhau giữa các số liệu thất nghiệp được công bố và tình trạng thất nghiệp thực tế ở các nước đang phát triển. Trong quá trình này chúng ta bàn đến "các công nhân bất mãn" và các hình thức bán thất nghiệp khác nhau.

5. *Sự phụ thuộc chủ yếu vào sản lượng nông nghiệp và xuất khẩu sản phẩm cơ bản:* Hầu hết các nước đang phát triển có một khu vực nông nghiệp rất lớn và phần lớn sản lượng xuất khẩu của họ thường là các sản phẩm nông nghiệp. Nông nghiệp không chỉ là một nghề mà còn là một phong cách sống ở các nước đang phát triển. Sự phụ thuộc vào nông nghiệp là một kết quả từ bản chất của một nền kinh tế nông thôn ở các nước đang phát triển. Mô hình nông nghiệp ở các nước đang phát triển cũng rất khác so với ở các nước phát triển. Sản xuất nông nghiệp ở các nước đang phát triển chủ yếu ở quy mô nhỏ và sử dụng nhiều lao động. Sau đây trong khoá học này chúng ta sẽ xem xét từng bất lợi mà các nước đang phát triển sẽ gặp phải khi họ cố gắng chuyên môn hoá sản xuất và xuất khẩu một hàng hoá thô.

6. *Sự phổ biến của các thị trường không hoàn hảo và thông tin không đầy đủ:* Thành công của một nền kinh tế thị trường phát triển phụ thuộc chủ yếu vào sự tồn tại của các điều kiện tiên quyết về luật pháp, văn hoá và thể chế nhất định. Chẳng hạn như bộ máy tư pháp mạnh, quyền sử hữu được xác định rõ ràng, hệ thống tiền tệ ổn định, cơ sở hạ tầng phát triển, hệ thống giao thông và thông tin liên lạc thuận tiện, nhiều thông tin. Trong khi ở các nước công nghiệp phát triển phần lớn những điều kiện này phần lớn đã được đảm bảo, thì ở các nước đang phát triển nhiều cơ sở tổ chức và luật pháp còn thiếu thốn hay yếu kém. Kết quả là không phân phối được các nguồn lực.

7. *Sự thống trị, phụ thuộc và yếu thế trong các quan hệ quốc tế:* Trong các mối quan hệ quốc tế, các nước đang phát triển thường phải đối phó với các quốc gia giàu và hùng mạnh. Họ phải phụ thuộc vào các nước phát triển về cả thương mại, công nghệ, viện trợ nước ngoài và chuyên gia. Ưu thế này của các nước công nghiệp giàu có và sự phụ thuộc của các nước đang phát triển vào các nước đó thường dẫn tới việc chấp nhận các công nghệ không còn phù hợp (lỗi thời), các cơ chế giáo dục và giá trị văn hoá ở các nước đang phát triển. Tác động của lối sống giàu có từ các nước phát triển có thể dẫn tới lối sống thượng lưu, sự tích luỹ của cải riêng, chảy máu chất xám và nhượng vốn… tất cả những điều này làm cản trở quá trình phát triển kinh tế ở các nước đang phát triển. (TQ hiệu đính: "tích tiểu thành đa". Muốn làm giàu, trước tiên phải có vốn. Muốn có vốn thì phải biết tiết kiệm. Nếu công dân của các nước đang phát triển tiêu xài hoang phí, học đòi theo các nước đã phát triển, thì làm lợi cho các nước phát triển)

**** Trường hợp nghiên cứu: Nền kinh tế Nigiêria***

Nigiêria- một thuộc địa cũ của Anh đã giành được độc lập từ năm 1960. Nigiêria nằm ở bờ biển phía Tây của lục địa Châu Phi. Đây cũng là một nước đông dân nhất Châu Phi. Dân số ở nước này chia thành hai nhóm tôn giáo và sắc tộc khác nhau dẫn đến tình trạng luôn có các xung đột về tôn giáo, khu vực và sắc tộc. Mặc dù Nigiêria là một nền kinh tế cơ bản dựa trên sản xuất nông nghiệp, trong suốt những năm 1970 và 1980 họ đã tạo ra những thay đổi lớn. Hiện nay 90% kim ngạch xuất khẩu của nước này là từ xuất khẩu dầu. "Một sự kết hợp của việc giảm giá dầu, các chương trình công nghiệp hoá quá lớn, không chú ý đến phát triển nông nghiệp, vay mượn nước ngoài quá lớn, và suy sụp về kinh tế, quản lý tồi trong suốt các thập kỷ này đã làm cho nền kinh tế Nigiêria trải qua một giai đoạn suy thoái và giảm sút kinh tế kéo dài". Việc sao lãng phát triển khu vực nông nghiệp và chú trọng đến các ngành công nghiệp cũng dẫn đến một sự di chuyển lớn dân cư từ các vùng nông thôn tới các trung tâm đô thị, gây ra vấn đề lớn là tỷ lệ thất nghiệp cao ở các khu đô thị.

II. GDP/người của 10 nước cao nhất và thấp nhất thế giới, năm 2010

1. *10 quốc gia, vùng lãnh thổ có GDP bình quân đầu người cao nhất thế giới*

Tạp chí "Tài chính toàn cầu" đã thực hiện cuộc khảo sát mới nhất từ 182 quốc gia và khu vực trên toàn thế giới, xếp hạng các nước giàu nhất thế giới lần lượt là:

01 Qatar: 90.149 USD
02. Luxembourg: 79.411 USD
03. Na Uy: 52.964 USD
04. Singapo: 52.840 USD
05. Brunei: 48.714 USD
06. Mỹ: 47.702 USD
07. Hồng Kông: 44.840 USD
08. Thụy Sĩ: 43.903 USD
09. Hà Lan: 40.610 USD
10. Australia: 39.842 USD.

2. 10 quốc gia có GDP bình quân đầu người thấp nhất thế giới

Dưới đây là danh sách 10 quốc gia nghèo nhất trên thế giới theo số liệu được thu thập bởi Quỹ tiền tệ quốc tế và các Wrold CIA Factbook. 9 trong 10 nước nghèo nhất trên thế giới nằm ở châu Phi.

10. Afghanistan - 800 USD
09. Cộng hòa Trung Phi - 754 USD
08. Sierra Leone - 747 USD
07. Eritrea - 739 USD
06. Niger - 736 USD
05. Somalia - 600 USD
04. Burundi - 401 USD
03. Liberia - 379 USD
02. Cộng hòa Dân chủ Congo - 334 USD
01. Zimbabwe - 0,1 USD

III. Các nước thuộc nhóm G20 (Năm 2010)

G20 là diễn đàn của 20 nền kinh tế lớn gồm 19 quốc gia có nền kinh tế lớn nhất (tính theo GDP (PPP)) và Liên minh Châu Âu (EU). Thành lập từ năm 1999 và hiện chiếm 85% nền kinh tế thế giới, **G20** bao gồm nhóm 7 nước công nghiệp phát triển (G7) là Hoa Kỳ, Đức, Nhật Bản, Pháp, Anh, Ý và Canada cùng một số thành viên khác như Liên minh châu Âu (EU) và các nước Argentina, Úc, Brasil, Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia, Mexico, Nga, Ả Rập Xê-út, Nam Phi, Hàn Quốc và Thổ Nhĩ Kỳ.

Thành viên	GDP (danh nghĩa) Triệu USD	GDP (PPP) Triệu USD	GDP/ người (danh nghĩa) USD	GDP/ người (PPP) USD	HDI	Dân số
Hoa Kỳ	14.657.800	14.657.800	47.132	47.132	0,910	309.173.000
Anh	2.247.455	2.172.768	36.298	35.053	0,863	62.041.708
Thổ Nhĩ Kì	741.853	1.115.994	10.399	15.340	0,699	72.561.312
Hàn Quốc	1.007.084	1.459.246	20.590	29.835	0,897	48.875.000
Nam Phi	357.259	523.954	7.101	10.505	0,619	49.320.500
Ả-rập Xê-út	443.691	621.993	16.641	23.742	0,770	27.123.977
Nga	1.465.079	2.222.957	10.521	15.807	0,755	141.927.297
Mexico	1.039.121	1.567.470	8.959	13.971	0,770	112.211.789
Nhật Bản	5.458.872	4.309.532	42.820	33.804	0,901	127.390.000
Ý	2.055.114	1.773.547	33.828	29.418	0,874	60.325.805
Indonesia	706.735	1.029.884	2.963	4.380	0,617	237.556.363
Ấn Độ	1.631.987	4.060.392	1.176	3.290	0,547	1.210.193.422
Đức	3.315.643	2.940.434	4.0512	3.5930	0,905	81.757.600
Pháp	2.582.527	2.145.487	4.0591	3.4092	0,884	65.447.374
EU	16.282.230	15.170.419	32.283	32.600		501.259.840
Trung Quốc	5.878.257	10.106.884	4.382	7.544	0,687	1.339.724.852

Canada	1.574.051	1.330.272	45.888	39.033	0,908	34.088.000
Brazil	2.090.314	2.172.058	10.471	11.289	0,718	193.088.765
Úc	1.235.539	882.362	54.869	39.692	0,929	22.328.632
Argentina	370.269	642.402	9.138	17.200	0,797	41.134.425

IV. 6 thành tựu khoa học kỳ diệu nhất những năm đầu thế kỷ 21

Từ năm 2000 đến 2009, nền khoa học của thế giới đã đạt được những thành tựu vượt bậc, góp phần rất lớn cho thành công của các lĩnh vực khác phục vụ cuộc sống con người.

1. Năm 2000: Năm bản lề của thế kỷ 21, nhóm nhà khoa học Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Trung Quốc và Nhật Bản đã hoàn thành công trình giải mã bộ gien người, giúp khám phá cơ chế hoạt động của sự sống, qua đó tìm cách khắc phục các loại bệnh tật. Bản phác thảo đầy đủ đầu tiên về bản đồ bộ gen người - một trong những sự kiện lớn nhất có tầm vóc đột phá lịch sử khoa học của con người từ trước tới nay, đã được công bố vào dịp mở đầu thiên niên kỷ mới, ngày 12/2/2001 tại Tokyo (Nhật Bản), London (Anh), Washington (Mỹ) và nhiều thành phố khác trên thế giới. Theo kết quả nghiên cứu mới nhất này thì con người được hình thành từ một số lượng gen ít hơn nhiều so với mọi dự đoán ban đầu, chỉ khoảng 30.000 gen.

2. Năm 2001: Sau 15 năm hoạt động trên vũ trụ và có nhiều kỳ tích, Trạm quỹ đạo Hòa bình của Nga chấm dứt tồn tại. Kỷ nguyên du lịch trên vũ trụ đã bắt đầu với việc người đầu tiên thực hiện chuyến bay tham quan an toàn. Trạm vũ trụ Hòa Bình, hay trạm vũ trụ Mir, là một trạm nghiên cứu được phóng lên vũ trụ vào ngày 19/2/1986, chuyên chú trọng vào các thí nghiệm khoa học phục vụ mục đích hòa bình và sự phát triển của con người. Suốt 15 năm bay vòng quanh Trái Đất với 23.000 thí nghiệm khoa học, Mir đón nhận 104 lượt phi hành gia đến làm nhiệm vụ nghiên cứu khoa học. Đợt lưu trú dài ngày nhất trên Mir là của phi hành gia Nga Valeri Vladimirovich Polyakov (437 ngày). Mir đã được cố ý phá vỡ khi gia nhập khí quyển và các phần vỡ đã chọn một diện tích 1500 km² trên vùng biển Nam Thái Bình Dương để làm phần mộ của mình vào ngày 23/3/2001.

3. Năm 2003: Trung Quốc phóng thành công tàu vũ trụ Thần Châu 5 do nhà du hành Dương Lợi Vĩ điều khiển. Với sự kiện này, Trung Quốc trở thành quốc gia thứ ba đưa được con người ra ngoài bầu khí quyển trái đất, sau Liên bang Xô Viết trước đây và Mỹ. Thành công của chuyến bay là thắng lợi to lớn của ngành hàng không vũ trụ Trung Quốc. Ngân quỹ dành cho chương trình này được giữ bí mật song các chuyên gia quốc tế ước tính rằng số tiền ít nhất là 1 tỷ USD.

4. Năm 2004: Các rôbốt tự hành Spirit và Opportunity của Cơ quan Hàng không Vũ trụ Mỹ (NASA) thực hiện nhiều cuộc nghiên cứu khoa học trên Sao Hỏa. Xe tự hành Spirit đã vượt qua tầng khí quyển và đổ bộ thành công xuống bề mặt lổn nhổn đá của sao Hỏa, bắt đầu sứ mệnh thám hiểm hành tinh đỏ để tìm kiếm bằng chứng rằng nơi đây từng thích hợp cho sự sống. Spirit đã phát tín hiệu và gửi ảnh về Trái đất sau khi hạ cánh bằng dù. Spirit rời Florida vào ngày 10/6/2003. Người anh em

đồng dạng Opportunity, phi thuyền thăm dò sao Hỏa thứ hai của NASA, cũng rời Trái đất trên tên lửa Boeing Delta 2 vào ngày 8/7/2003. Đây là hai robot thuộc thế hệ hiện đại nhất trong số các robot tự hành. Chúng có kích thước bằng chiếc xe hơi nhỏ với 6 bánh xe.

5. Năm 2007: Các nhà khoa học Mỹ và Nhật Bản tuyên bố đã thành công trong việc tạo ra tế bào gốc từ da người - một bước đột phá trong y học - mở ra khả năng tạo tế bào gốc với mã gen cụ thể của cá nhân để chữa các bệnh nan y và loại trừ nguy cơ thải ghép. Trong tương lai, thành tựu này còn giúp khép lại vấn đề gây tranh cãi về đạo đức khi tế bào gốc mới chỉ được lấy từ phôi người. Ngày 21/11, tiến sĩ Shinya Yamanaka, từ Đại học Kyoto, Nhật Bản phổ biến phát minh mới nhất của họ về lĩnh vực tế bào gốc trên tạp chí *Cell Journal*. Đồng thời trên tạp chí *Science Journal*, tiến sĩ James Thomson và Junying Yu, thuộc Đại học Wisconsin – Madison, Mỹ cũng tường thuật kết quả của họ. Đây là khám phá mới, vô cùng lý thú và gây chấn động trong giới y khoa thế giới. Các nhà khoa học cho biết, với phương pháp mới này, việc biến tế bào da thành tế bào gốc tương đối đơn giản và ít tốn kém hơn so với kỹ thuật chuyển nhân mà Ian Wilmut (người Anh), đã sử dụng để tạo nên cừu Dolly năm 1996. Điều mà họ thực hiện chỉ là cấy 4 gene cần thiết vào tế bào da. Các gene này sẽ tái cấu trúc các nhiễm sắc thể trong tế bào da, biến chúng thành tế bào gốc - là những tế bào có khả năng phân chia thành mọi loại tế bào khác của cơ thể như tim, gan, thần kinh, máu hoặc xương.

Năm 2008: Khởi động máy gia tốc hạt cực lớn mô phỏng vụ nổ Big Bang: Máy gia tốc hạt cực lớn (Large Hadron Collider - LHC), trị giá hơn 10 tỷ USD, có chu vi 27km, đặt ở độ sâu 100m dưới lòng đất tại biên giới Pháp-Thụy Sĩ, hoạt động ở nhiệt độ cực thấp -271,3^{0}C, đã được khởi động ngày 10/9 để mô phỏng vụ nổ Big Bang cách đây 13,7 tỷ năm nhằm tái tạo những điều kiện hình thành vũ trụ. Vụ thử đầu tiên đã thất bại, nhưng vào tháng 11 năm 2009, vụ thử thứ hai đã bước đầu thu được thành công, hứa hẹn mở ra những khám phá về sự hình thành của vũ trụ. Các nhà khoa học đã ghi nhận được những va chạm đầu tiên của các chùm proton trong LHC lớn nhất thế giới trong cuộc đại thí nhiệm được kỳ vọng sẽ giúp giải mã nguồn gốc của vũ trụ. Với kết quả này, các nhà khoa học đã thành công trong việc tạo ra những va chạm proton năng lượng thấp mà có thể cuối cùng sẽ cung cấp những đầu mối giải mã vụ nổ Big Bang đầu tiên và nguồn gốc của vũ trụ.

BÀI 3

MỘT SỐ VẤN ĐỀ MANG TÍNH TOÀN CẦU

I. Thế giới càng đông người, "ngày tận thế" đến càng nhanh

Năm 2010, theo tính toán của Quỹ Hannover mang tên "Dân số thế giới" (Weltbevokerung), dân số loài người hiện nay là 6,89 tỷ người và tiếp tục tăng cứ mỗi giây 3 người, mỗi năm 80 triệu. Đến năm 2050, một vụ bùng nổ dân số sẽ xảy ra. Khi đó…

Con người sẽ bắt đầu giết nhau vì một ổ bánh mì, một lon nước uống. Viễn cảnh đáng sợ đó hoàn toàn có thể trở thành sự thật. Nền kinh tế thế giới sẽ sụp đổ. "Nhiệm

vụ của thế kỷ" là giảm tình trạng nghèo đói ở những nước đang phát triển bị đe doạ. Nạn chết đói đang đến gần. Thậm chí ngay hiện nay, trong khi nước này đang chịu tình trạng nhân mãn, nước kia lại đau đầu về tỷ lệ sinh đẻ đang tăng.

Chương trình lương thực hướng vào sự tăng dân số bị xem như không đạt được kết quả mong muốn. Theo ý kiến của các nhà xã hội học, các kết quả vào năm 2050 còn tồi tệ hơn nữa. Thời kỳ hậu Xô viết, sự tăng dân số ở tốc độ cao. Nếu tại nước Nga, dân số tăng là điều mơ ước thì tại phương Đông ngược lại - mỗi đứa trẻ ra đời là thêm một nỗi lo âu. Trung Quốc chẳng hạn, mỗi gia đình không được phép có quá một con. Tại Ấn Độ, nơi mức sống tương đối thấp, cách giải quyết vấn đề này thật tàn nhẫn. Nhiều cặp vợ chồng phải tiêm hocmon để tự biến mình thành vô sinh.

Nếu dân số trên hành tinh không khống chế được thì những phúc lợi do nền văn minh mang lại cũng bị triệt tiêu. Các nhà khoa học nhận định, chỉ 30 năm sau, người dân các nước phát triển sẽ thấm thía nạn đói là gì. Thế giới đang có xu hướng tập trung vào những thành phố khổng lồ, xa lánh những cánh đồng và rừng núi. Theo thời gian, những "bể nuôi cá" bê tông cốt thép để chứa đựng xã hội hiện đại sẽ mở rộng. Tài nguyên thiên nhiên sẽ cạn kiệt.

Những bãi chăn thả hàng nghìn con bò, hàng vạn con cừu biến thành đô thị. Đàn bò và đàn cừu đông đúc ấy sẽ bị xẻ thịt, thành nguồn thực phẩm cho một số dân quá đông. Thế hệ sau của chúng sẽ sống chật vật vì không còn bãi chăn thả - con người đã chiếm mất để mở rộng những đô thị rồi.

Ngoài ra, những hoạt động sản xuất của con người làm bẩn và suy thoái môi trường. Nước sạch trở thành đồ quý hiếm. Kỹ thuật không thể thay thế tài nguyên thiên nhiên. Trên mặt đất đầy những nhà máy thuỷ điện, những trạm phong điện và những pin mặt trời để thoả mãn các nhu cầu về năng lượng. Những cánh đồng đất đai phì nhiêu biến thành hoang mạc. Kết quả là khí hậu biến đổi. Ai cũng cảm nhận được sự nóng lên toàn cầu. Hàng năm, các thiên tai giết chết hàng trăm người. Sóng thần, núi lửa phun trào, lũ lụt, cháy rừng hết nơi nọ lại đến nơi kia mang tai họa cho những người nghèo nhất hành tinh. Để cứu vãn việc chết dần chết mòn của loài người trên toàn cầu chỉ có thể tìm thấy trong sự thoả hiệp, học lại cách sống hài hoà với thiên nhiên. Nhưng trong điều kiện của một thiên đường công nghệ, những lời khuyên đó giống như một điều viễn tưởng và bị bỏ ngoài tai. "Ngày tận thế" không phải do các thiên thạch theo dự báo sẽ hủy diệt Trái đất mà chính do sự phát triển dân số không thể kiểm soát mang lại.

II. 10 siêu đô thị lớn nhất thế giới

Thế giới hiện có khoảng 20 siêu đô thị - những thành phố có dân số vượt mức 10 triệu người. Nhưng dự đoán đến năm 2025, danh sách các siêu đô thị sẽ tăng lên con số trên 30. theo số liệu của Liên Hợp Quốc, 10 siêu đô thị lớn nhất thế giới hiện nay và dự báo dân số năm 2025.

1. Tokyo, Nhật Bản. Dân số 2010: 36,7 triệu *(Dự báo dân số năm 2025: 37,1 triệu)*

2. Delhi, Ấn Độ. Dân số 2010: 22,2 triệu *(Dự báo dân số năm 2025: 28,6 triệu)*

3. Sao Paulo, Brazil. Dân số 2010: 20,3 triệu *(Dự báo dân số năm 2025: 23,7 triệu)*

4. Mumbai, Ấn Độ. Dân số 2010: 20 triệu *(Dự báo dân số năm 2025: 25,8 triệu)*

5. Mexico City, Mexico. Dân số 2010: 19,5 triệu *(Dự báo dân số năm 2025: 20,7 triệu)*

6. New York, Mỹ. Dân số 2010: 19,4 triệu *(Dự báo dân số năm 2025: 20,6 triệu)*

7. Thượng Hải, TQ. Dân số 2010: 16,6 triệu *(Dự báo dân số năm 2025: 20 triệu)*

8. Konkata, Ấn Độ. Dân số 2010: 15,6 triệu *(Dự báo dân số năm 2025: 20,1 triệu)*

9. Dhaka, Bangladesh. Dân số 2010: 14,6 triệu *(Dự báo dân số năm 2025: 20,9 triệu)*

10. Karachi, Pakistan. Dân số 2010: 13,1 triệu *(Dự báo dân số năm 2025: 18,1 triệu*

III. Hiệu ứng nhà kính (tiếng Anh là *greenhouse effect*)

Hiệu ứng nhà kính, xuất phát từ *effet de serre* trong tiếng Pháp, do Joseph Fourier lần đầu tiên đặt tên vào năm 1824, thí nghiệm đầu tiên có thể tin cậy được là bởi nhà khoa học John Tyndall vào năm 1858, và bản báo cáo định lượng kĩ càng được thực hiện bởi nhà khoa học Svante Arrhenius vào năm 1896, dùng để chỉ hiệu ứng xảy ra khi năng lượng bức xạ của tia sáng mặt trời, xuyên qua các cửa sổ hoặc mái nhà bằng kính, được hấp thụ và phân tán trở lại thành nhiệt lượng cho bầu không gian bên trong, dẫn đến việc sưởi ấm toàn bộ không gian bên trong chứ không phải chỉ ở những chỗ được chiếu sáng.

Hiệu ứng này đã được sử dụng từ lâu trong các nhà kính trồng cây. Ngoài ra hiệu ứng nhà kính còn được sử dụng trong kiến trúc, dùng năng lượng mặt trời một cách thụ động để tiết kiệm chất đốt sưởi ấm nhà ở.

1. Hiệu ứng nhà kính khí quyển

Các tia bức xạ sóng ngắn của mặt trời xuyên qua bầu khí quyển đến mặt đất và được phản xạ trở lại thành các bức xạ nhiệt sóng dài. Một số phân tử trong bầu khí quyển, trong đó trước hết là [điôxít cacbon] và hơi [nước], có thể hấp thụ những bức xạ nhiệt này và thông qua đó giữ hơi ấm lại trong bầu khí quyển. Hàm lượng ngày nay của khí điioxit cacbon vào khoảng 0,036% đã đủ để tăng nhiệt độ thêm khoảng 30°C. Nếu không có hiệu ứng nhà kính tự nhiên này nhiệt độ trái đất của chúng ta chỉ vào khoảng –15°C.

Có thể hiểu một cách ngắn gọn như sau: ta biết nhiệt độ trung bình của bề mặt trái đất được quyết định bởi cân bằng giữa năng lượng mặt trời chiếu xuống trái đất và lượng bức xạ nhiệt của mặt đất vào vũ trụ. Bức xạ nhiệt của mặt trời là bức xạ có sóng ngắn nên dễ dàng xuyên qua tầng ôdôn và lớp khí CO_2 để đi tới mặt đất, ngược lại bức xạ nhiệt từ trái đất vào vũ trụ là bức sóng dài, không có khả năng xuyên qua lớp khí CO_2 dày và bị CO_2 + hơi nước trong khí quyên hấp thụ. Như vậy lượng nhiệt này làm cho nhiệt độ bầu khí quyển bao quanh trái đất tăng lên. Lớp khí CO_2 có tác dụng như một lớp kính giữ nhiệt lượng tỏa ngược vào vũ trụ của trái đất trên quy mô toàn cầu. Bên cạnh CO_2 còn có một số khí khác cũng được gọi chung là khí nhà kính như NOx, Metan, CFC.

Ở thời kỳ đầu tiên của lịch sử trái đất, các điều kiện tạo ra cuộc sống chỉ có thể xuất hiện vì thành phần của điôxít cacbon trong bầu khí quyển nguyên thủy cao hơn, cân bằng lại lượng bức xạ của mặt trời lúc đó yếu hơn đến khoảng 25%. Cường độ của

các tia bức xạ tăng lên với thời gian. Trong khi đó đã có đủ cây cỏ trên Trái Đất, thông qua sự quang hợp, lấy đi một phần khí điôxít cacbon trong không khí tạo nên các điều kiện khí hậu tương đối ổn định.

2. Hiệu ứng nhà kính nhân loại

Từ khoảng 100 năm nay con người tác động mạnh vào sự cân bằng nhạy cảm này giữa hiệu ứng nhà kính tự nhiên và tia bức xạ của mặt trời. Sự thay đổi nồng độ của các khí nhà kính trong vòng 100 năm lại đây (điôxít cacbon tăng 20%, mêtan tăng 90%) đã làm tăng nhiệt độ lên 2°C. *Không nên nhầm lẫn hiệu ứng nhà kính nhân loại với việc làm tổn thất đến lớp khí ôdôn ở tầng bình lưu cũng do loài người gây ra.*

3. Những ảnh hưởng có thể xảy ra do hiệu ứng nhà kính nhân loại

Phần lớn các nhà khoa học ủng hộ giả thuyết cho rằng việc tăng nồng độ các khí nhà kính do loài người gây ra, hiệu ứng nhà kính nhân loại, sẽ làm tăng nhiệt độ trên toàn cầu (sự nóng lên của khí hậu toàn cầu) và như vậy sẽ làm thay đổi khí hậu trong các thập kỷ và thập niên kế đến. Sau đây là một số hậu quả liên đới với việc thay đổi khí hậu do hiệu ứng này có thể gây ra:

- Các nguồn nước: Chất lượng và số lượng của nước uống, nước tưới tiêu, nước cho kỹ nghệ và cho các máy phát điện, và sức khỏe của các loài thủy sản có thể bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi sự thay đổi của các trận mưa rào và bởi sự tăng khí bốc hơi. Mưa tăng có thể gây lụt lội thường xuyên hơn. Khí hậu thay đổi có thể làm đầy các lòng chảo nối với sông ngòi trên thế giới.

- Các tài nguyên bờ biển: Chỉ tại riêng Hoa Kỳ, mực nước biển dự đoán tăng 50 cm vào năm 2100, có thể làm mất đi 5.000 dặm vuông đất khô ráo và 4.000 dặm vuông đất ướt.

- Sức khỏe: Số người chết vì nóng có thể tăng do nhiệt độ cao trong những chu kì dài hơn trước. Sự thay đổi lượng mưa và nhiệt độ có thể đẩy mạnh các bệnh truyền nhiễm. Nhiệt độ tăng lên làm tăng các quá trình chuyển hóa sinh học cũng như hóa học trong cơ thể sống, gây nên sự mất cân bằng.

- Lâm nghiệp: Nhiệt độ cao hơn tạo điều kiện cho nạn cháy rừng dễ xảy ra hơn.

- Năng lượng và vận chuyển: Nhiệt độ ấm hơn tăng nhu cầu làm lạnh và giảm nhu cầu làm nóng. Sẽ có ít sự hư hại do vận chuyển trong mùa đông hơn, nhưng vận chuyển đường thủy có thể bị ảnh hưởng bởi số trận lụt tăng hay bởi sự giảm mực nước sông.

- Những khối băng ở Bắc cực và nam cực đang tan nhanh trong những năm gần đây và do đó mực nước biển sẽ tăng quá cao, có thể dẫn đến nạn hồng thủy.

IV. Nguyên nhân, hậu quả của việc thủng tầng Ôdôn

***1. Các nguyên nhân của lỗ thủng ôdôn*:** Lỗ thủng ôdôn Nam Cực là phần của tầng bình lưu Nam Cực mà mức độ ôdôn hiện tại đã giảm xuống chỉ còn 33% so với các trị trước năm 1975. Lỗ thủng ôdôn xuất hiện vào mùa xuân ở Nam Cực, từ tháng 9 cho đến đầu tháng 12, khi gió tây mạnh bắt đầu thổi tuần hoàn trên lục địa và tạo thành bầu chứa khí quyển. Trong các "gió xoáy địa cực" này, hơn 50% ôdôn vùng phía dưới của tầng bình lưu bị phân hủy trong mùa xuân. Ánh sáng mặt trời ở các vùng địa

cực dao động nhiều hơn ở các nơi khác và trong ba tháng mùa Đông hầu như là tối tăm không có bức xạ mặt trời. Nhiệt độ không khí ở vào khoảng -80°C hay lạnh hơn gần như trong suốt mùa Đông đã tạo nên các đám mây ở tầng bình lưu trên địa cực. Các phần tử của những đám mây này bao gồm axít nitric hay nước đóng băng tạo nên bề mặt cho các phản ứng hóa học gia tăng tốc độ phân hủy các phân tử ôdôn. Như đã giải thích ở phần trên, nguyên nhân chính của giảm sút ôdôn ở Nam Cực và các nơi khác là sự hiện diện của các khí gốc có chứa clo *(trước nhất là các CFC – **Clofluocacbon** và các hợp chất clo với các bon liên quan)* bị phân giải khi có tia cực tím tạo thành các nguyên tử clo trở thành chất xúc tác phân hủy ôdôn. Sự giảm sút ôdôn do clo là chất xúc tác có thể xảy ra ở trạng thái khí nhưng sẽ tăng đột ngột khi có sự hiện diện của các đám mây tầng bình lưu trên địa cực. Các quá trình quang hóa tham gia tuy phức tạp nhưng đã được tìm hiểu tốt. Quan sát chủ yếu là thông thường phần lớn các clo trong tầng bính lưu ở trong các "hợp chất chứa" bền, chủ yếu là các hydro clorua (HCl) và clo nitrat ($ClONO_2$). Mặc dù vậy trong mùa Đông và Xuân Nam Cực các phản ứng trên bề mặt của các phần tử mây chuyển hóa các hợp chất chứa này trở lại thành các gốc tự do có hoạt tính cao, Cl và ClO. Các đám mây cũng có thể lấy đi NO_2 từ khí quyển bằng cách biến đổi chúng thành axít nitric, ngăn không cho ClO vừa được tạo thành có thể bị biến đổi trở lại $ClONO_2$. Ánh sáng cực tím gia tăng trong mùa xuân tạo cho các hợp chất clo phản ứng hủy diệt trên 17% ôdôn trong khi các hợp chất brôm làm giảm sút thêm 33%. Vai trò của ánh sáng mặt trời trong giảm sút ôdôn chính là lý do tại sao giảm sút ôdôn ở Nam Cực lớn nhất vào mùa xuân. Trong mùa Đông, mặc dù có nhiều mây nhất, không có ánh sáng trên địa cực để thúc đẩy các phản ứng hóa học. Phần lớn các ôdôn bị phá hủy ở phía dưới của tầng bình lưu đối ngược với việc giảm sút ôdôn ít hơn rất nhiều thông qua các phản ứng thể khí đồng nhất xảy ra trước hết là ở phía trên của tầng bình lưu. Nhiệt độ sưởi ấm vào cuối Xuân phá vỡ các gió xoáy vào trung tuần tháng 12. Khi ấm lên, không khí giàu ôdôn bay về các vĩ độ thấp, các đám mây tầng bình lưu bị phá hủy, các quá trình làm giảm sút ôdôn ngưng lại và lỗ thủng ôdôn được hàn gắn trở lại.

***2. Hậu quả của giảm sút ôdôn*:** Vì tầng ôdôn hấp thụ tia cực tím từ mặt trời, giảm sút tầng ôdôn dự đoán sẻ cường độ tia cực tím ở bề mặt Trái Đất, có thể dẫn đến nhiều thiệt hại bao gồm cả gia tăng bệnh ung thư da. Đấy là lý do dẫn đến Nghị định thư Montreal. Mặc dù các giảm sút của ôdôn ở tầng bình lưu gắn liền với các CFC và có nhiều lý lẽ trên lý thuyết để tin rằng giảm sút ôdôn sẽ dẫn đến tăng tia cực tím trên bề mặt Trái Đất, chưa có nhiều quan sát trực tiếp chứng minh liên hệ giữa giảm sút ôdôn và gia tăng tỷ lệ phát bệnh ung thư da ở con người.

BÀI 5 (Tiết 1)
MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỦA CHÂU PHI

I. Hoang mạc Sahara

Với diện tích khoảng 9,4 triệu km^2 (xấp xỉ diện tích của Trung Quốc và Hoa Kì), Sahara đã trở thành sa mạc lớn nhất thế giới, bao phủ phần lớn Bắc Phi. Chiều dài cực đại của nó là 4.800 km, chạy từ Tây sang Đông, và từ Bắc đến Nam là dài 1.200

km. Sahara bao phủ hầu hết các khu vực Mauritania, Tây Sahara, Algeria, Libya, Ai Cập, Sudan, Chad, Niger và Mali, sát với Morocco và Tunisia.

Được bao bọc bởi Đại Tây Dương ở phía Tây, dãy núi Atlas và Địa Trung Hải ở phía Bắc, Biển Đỏ (Hồng Hải) và Ai Cập ở phía Đông; Sudan và thung lũng sông Niger ở phía Nam. Điểm cao nhất trong sa mạc là đỉnh núi Emi Koussi với độ cao 3415 m so với mực nước biển, thuộc dãy núi Tibesti phía Bắc nước Chad.

Trong suốt kỷ nguyên băng hà, vùng Sahara đã từng ẩm ướt hơn ngày nay rất nhiều. Và cũng đã từng có rất nhiều loài động, thực vật sinh sống nơi đây. Tuy nhiên ngày nay,ngoại trừ vùng thung lũng sông Nin là có thể trồng được nhiều rau và một số ít nơi khác như vùng cao nguyên phía Bắc, gần Địa Trung Hải là có thể trồng cây ôliu còn phần lớn vùng này không thể canh tác được.

II. Quốc gia mới nhất của châu Phi

Nam Xuđăng, tuyên bố độc lập ngày 09/7/2011 (tách ra từ Cộng hoà Xuđăng), diện tích 619.745 km^2 (đứng thứ 45 thế giới), dân số 8,3 tiệu người. Thủ đô: Giuba (Juba). Thành viên thứ 193 của Liên Hợp Quốc (14/7/2011).

BÀI 5 (Tiết 3)

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỦA KHU VỰC TÂY NAM Á VÀ KHU VỰC TRUNG Á

I. Bảy kỳ quan thế giới cổ đại

Bảy kì quan thế giới cổ đại là một danh sách được nhiều người biết đến liệt kê các công trình kiến trúc và điêu khắc trong thời kì cổ đại. Danh sách này do nhà văn Hi Lạp Antipater xứ Sidon lập ra trong thế kỉ thứ 2 TCN, dựa trên tầm nhìn của người Hi Lạp thời ấy, chỉ gồm các công trình quanh Địa Trung Hải mà họ cho là vĩ đại và thể hiện văn minh của nhân loại. Danh sách này được ông thu thập từ các công trình của Herodotus (484 TCN–425 TCN), Callimachus (310 TCN/305 TCN-240 TCN), Philo xứ Byzantium (280 TCN - 220 TCN)

1. Khu lăng mộ - Kim tự tháp Giza (tại Ai Cập hiện nay)

Khu lăng mộ - Kim tự tháp Giza, được xây dựng vào khoảng thế kỉ 26 trước Công nguyên, là một tổng thể gồm 3 kim tự tháp với chiều cao đỉnh kim tự tháp cao nhất là 145,75m. Kim tự tháp Cheops trong quần thể kim tự tháp Giza, do một Pharaoh Vương triều thứ tư (tên là Khufu) xây dựng để làm mộ cho mình, đã huy động hơn 100.000 người lao động trong 30 năm, sử dụng hơn 230 vạn phiến đá nặng 6 tấn, nếu ngày nay dùng xe lửa chuyên chở thì cần đến 60 vạn toa xe. Độ nghiêng của các mặt bên Kim tự tháp vào khoảng 51,5 độ. Chiều cao của mặt nghiêng là 195 m. Bốn mặt của Kim tự tháp nhìn về 4 hướng: chính bắc, chính nam, chính đông và chính tây. Kim tự tháp của vua Chephren nằm phía sau kim tự tháp của Khufu và phía trước là kim tự tháp của Mycerinus. Ba kim tự tháp nhỏ hơn ở phía trước được xây cho ba người vợ của vua Mycerinus. Những kim tự tháp này quay mặt về bốn hướng chính. Tại đây còn có cả tượng nhân sư Sphinx nổi tiếng tạc hình mô phỏng Chephren. *Kim tự tháp là kì quan thế giới duy nhất còn tồn tại hiện nay trong số bảy kì quan thế giới cổ đại.*

2. Vườn treo Babylon (tại Irắc hiện nay)

Vườn treo Babylon, cũng được gọi là vườn treo Semiramis, là một công trình do vua Nebuchadrezzar II xây dựng năm 603 trước Công nguyên, trong đó cây được treo trên mái hiên, nhằm khuây khỏa nỗi nhớ quê hương xứ Medes của bà vợ vua Nebuchadnezzar II là Amyitis. Trong vườn treo có một hệ thống đài phun nước gồm hai bánh xe lớn liên kết với nhau bằng dây xích có gắn thùng gỗ. Khi bánh xe quay, dây xích và thùng nước cũng chuyển động đưa nước ở một cái bể phía dưới lên trên cao tưới nước cho cây. Để tưới nước cho hoa và cây của khu vườn, các nô lệ phải luân phiên nhau đưa nước từ dòng sông Euphrates lên khu vườn. Vườn treo được sử gia Berossus mô tả đến đầu tiên năm 270 TCN.

3. Tượng thần Zeus ở Olympia (tại Hy Lạp hiện nay)

Được xây dựng vào năm 470-460 trước Công nguyên, cao 40 ft, rộng 22 ft, tạc hình thần Zeus ngồi trên ngai vàng, với làn da được làm từ ngà voi; râu, tóc, áo choàng làm bằng vàng. Tay phải cầm tượng thần Victory có cánh biểu tượng cho chiến thắng trong các kỳ Thế vận hội, tay trái cầm vương trượng trang trí hình chim đại bàng bằng kim loại, tượng trưng cho quyền lực tối cao của vị vua trong các vị thần. Đầu thần Zeus trang điểm vòng hoa ôliu. Ngai vàng làm bằng gỗ tuyết tùng và ngà. Chân thần đặt lên một ghế lớn.

4. Đền Artemis (tại Thổ Nhĩ Kì hiện nay)

Đền thờ nữ thần săn bắn Artemis, còn được gọi là đền thờ Diana được xây dựng từ đá cẩm thạch bởi kiến trúc sư Chersiphron và con là Metagenes, dài 377 feet (115 m), rộng 180 feet (55 m), bao gồm 127 cột đá, ở thành phố Ephesus (nay thuộc Thổ Nhĩ Kì). Đền được bắt đầu xây dựng năm 550 TCN, trải qua quá trình xây dựng lại và mở rộng qua nhiều thời kỳ, lần cuối là năm 430 TCN sau 120 năm. Năm 356 TCN, ngôi đền bị lửa thiêu hủy vào đêm Alexandros Đại Đế chào đời. Một ngôi đền tương tự được xây lại trên nền ngôi đền cũ. Năm 262, người Goth đã đốt ngôi đền lần thứ hai. Chỉ phần nền và một số phần khác của ngôi đền thứ hai còn tồn tại đến ngày nay. Viện bảo tàng Anh ở Luân Đôn còn lưu một số di tích thuộc ngôi đền thứ hai.

5. Lăng mộ của Mausolus (tại Thổ Nhĩ Kì hiện nay)

Lăng mộ được nữ hoàng Artemisia II xây dựng cho chồng là vua Mausolus của Caria thuộc khu vực Tiểu Á, từ năm 353 TCN đến 351 TCN, nhằm tôn vinh giá trị các thế lực cai trị thời giáo hoàng Jangvonhai. Lăng mộ được xây dựng tại thành phố Halicarnassus, thủ đô xứ Caria, nhờ có 1200 lao động, làm việc miệt mài trong thời gian là 17 năm. Chính từ ngôi mộ vua Mausolus đã là nguồn gốc của từ *mausoleum* (lăng mộ).

Đến năm 1494, những Hiệp sĩ Thánh Gioan, một nhóm hiệp sĩ trong cuộc Thập tự chinh đã sử dụng những khối đá cẩm thạch của phần nền ngôi mộ để xây một lâu đài vào năm 1522. Hầu hết các khối đá ở đây được cắt thành từng mảnh nhỏ để xây lâu đài. Ngày nay lâu đài này vẫn còn tồn tại với những mảnh đá cẩm thạch được tách riêng khỏi ngôi mộ của vua Mausolus.

6. Tượng thần Mặt Trời ở Rhodes (tại Hy Lạp hiện nay)

Tượng thần Mặt Trời ở Rhodes là tượng đồng khổng lồ thể hiện vị thần mặt trời Helios - vị thần bảo hộ của thành Rhodes - đã có công giúp thành phố thoát khỏi cuộc bao vây của vua xứ Macedonia là Demetrios I Poliorcetes vào năm 305 trước Công nguyên. Theo nhiều giả thiết được đặt tại thành phố Rhodes, thủ phủ của đảo Rhodes, Hy Lạp, tượng được xây dựng năm 280 TCN và sụp đổ trong một trận động đất vào năm 224 TCN. Tượng cao khoảng 105 feet (33 mét).

7. Hải đăng Alexandria (tại Ai Cập hiện nay)

Hải đăng xây dựng dưới thời vua Ptolemy I, khánh thành khoảng năm 201 TCN dưới thời vua Ptolemy II, bị sụp đổ hoàn toàn năm 1303 trong một trận động đất nghiêm trọng. Ngoại trừ Kim tự tháp ở Giza, hải đăng là công trình cao nhất trong thế giới cổ đại. Hải đăng đặt ngay lối vào cảng Alexandria, gồm 3 tầng, chiều cao khoảng 135 m. Bậc dưới cùng hình vuông, gồm nhiều phòng cho bộ phận canh gác hải đăng thường trực, gia súc và lương thực. Lối vào được tôn cao, đi vào bằng con đường dốc bắt đầu từ phần nền bao quanh tháp. Bên trong bậc hình vuông thấp hơn là một vách tường đỡ các phần trên của hải đăng, đến được phần trên này bằng con đường dốc xoáy trôn ốc bên trong. Bậc ở giữa có hình bát giác, phía trên bậc này là phần hình tròn có tượng thần Zeus.

II. Danh sách 7 kỳ quan thế giới mới

Ngày 07 tháng 07 năm 2007 (con số biểu tượng: 07.07.07.07), BTC (NOWC) cuộc bình chọn đã công bố kết quả danh sách 7 kỳ quan thế giới mới tại thủ đô Lisbon, Bồ Đào Nha.

1. Chichen Itza (từ tiếng Yucatec Maya *chich'en itza'*, "Tại miệng giếng của Itza") là một địa điểm khảo cổ thời tiền Colombo do nền văn minh Maya xây dựng, nằm ở trung tâm phía bắc bán đảo Yucatán, Mexico ngày nay. Chichen Itza từng là một trung tâm cấp vùng lớn tại những vùng đất thấp Maya từ Đầu Cổ điển (Late Classic) cho tới Cuối Cổ điển (Terminal Classic) và kéo dài tới cả một số thời kỳ ở giai đoạn đầu Hậu Cổ điển (Early Postclassic). Địa điểm này chứa đựng vô số các phong cách kiến trúc, từ cái gọi là "kiểu Mexico" và kiểu các phong cách tìm thấy ở trung Mexico cho tới phong cách Puuc được tìm thấy tại Puuc Maya ở các vùng đất thấp phía bắc. Sự hiện diện của các phong cách Mexico từng được cho là biểu hiện của sự di cư trực tiếp hay thậm chí là sự chinh phục của vùng trung Mexico, nhưng những quan điểm gần đây nhất cho rằng sự hiện diện của những phong cách phi Maya đó có lẽ chính xác hơn là một sự khuếch tán văn hoá. Các dữ liệu khảo cổ học, như bằng chứng cho thấy một số công trình hay các quần thể kiến trúc bị đốt cháy, cho thấy rằng sự sụp đổ của Chichen Itza gắn liền với bạo lực. Sau khi quyền bá chủ của Chichen Itza suy tàn, một quyền lực cấp vùng khác là Yucatán nổi lên trở thành trung tâm mới của Mayapan.

2. Cristo Redentor ("Chúa Kitô Cứu Thế" trong tiếng Bồ Đào Nha) là tên của một bức tượng Chúa Giêsu đứng trên một đỉnh núi hoa cương cao 710 m. Tượng được dựng năm 1931, nhân dịp kỷ niệm 100 năm ngày Brasil độc lập. Tượng cao 30 m đứng trên bệ 7 m; đầu tượng nặng 35,6 tấn, cao 3,7 m; mỗi cánh tay tượng nặng 9,1

tấn; khoảng cách giữa hai đầu ngón tay của bàn tay trái và phải là 23 m. Ngọn núi nơi tượng đứng có tên núi Corcovado (có nghĩa là "lưng gù" trong tiếng Bồ Đào Nha) tại thành phố Rio de Janeiro của Brasil. Tượng được làm theo thiết kế của Heitor da Silva Costa, nhà điêu khắc là Carlos Oswald và Paul Landowski. Kỹ sư Guglielmo Marconi là người thiết kế đèn chiếu sáng xung quanh tượng. Năm 1985, Francisco Passos và Tegesra Suris xây dựng tuyến đường sắt thông đến núi Corcovado, cách đỉnh núi khoảng 40 m. Từ đây qua 120 bậc đá là có thể đến bệ tượng. Tại đây, có thể ngắm nhìn toàn cảnh Rio de Janeiro. Ngoài ra, cũng còn có một đường bộ cho người leo núi.

3. Vạn Lý Trường Thành là bức tường thành nổi tiếng của Trung Quốc liên tục được xây dựng bằng đất và đá từ thế kỷ 5 TCN cho tới thế kỷ 16, để bảo vệ Đế quốc Trung Quốc khỏi những cuộc tấn công của người Mông Cổ, người Turk, và những bộ tộc du mục khác đến từ những vùng hiện thuộc Mông Cổ và Mãn Châu. Một số đoạn tường thành được xây dựng từ thế kỷ thứ 5 TCN, trong đó nổi tiếng nhất là phần tường thành do Hoàng đế đầu tiên của Trung Quốc là Tần Thủy Hoàng ra lệnh xây từ năm 220 TCN và 200 TCN, nằm ở phía bắc xa hơn phần Vạn Lý Trường Thành hiện nay của Trung Quốc xây dưới thời nhà Minh, và hiện chỉ còn sót lại ít di tích. Bức thành trải dài 6.352 km (3.948 dặm Anh), từ Sơn Hải Quan trên bờ Biển Bột Hải ở phía đông, tại giới hạn giữa Trung Quốc bản thổ ("đất Trung Quốc gốc") và Mãn Châu, tới Lop Nur ở phần phía đông nam Khu tự trị người Duy Ngô Nhĩ tại Tân Cương.

4. Machu Picchu (tiếng Quechua: *Machu Piqchu* - tức “Cổ Sơn”, theo tiếng quechua của người Inca; thỉnh thoảng được gọi là "Thành phố đã mất của người Inca") là một khu tàn tích Inca thời tiền Columbo trong tình trạng bảo tồn tốt ở độ cao 2.430 m (7.970 ft) trên một quả núi có chóp nhọn. Machu Picchu nằm trên Thung lũng Urubamba tại Peru, khoảng 70 km (44 dặm) phía tây bắc Cusco. Bị thế giới bên ngoài quên lãng từ nhiều thế kỷ, dù người dân địa phương vẫn biết tới nó, Machu Picchu đã trở lại thành sự chú ý của thế giới nhờ công nhà khảo cổ học Hiram Bingham người đã tái khám phá nơi này năm 1911, và viết một cuốn sách bán rất chạy về nó. Peru hiện đang thực hiện các hoạt động pháp lý nhằm đòi lại hàng ngàn đồ vật Bingham đã lấy đi khỏi nơi này.

5. Petra là một khu vực khảo cổ học ở phía Tây Nam Jordani, nằm trên sườn núi Hor, trong một lòng chảo nằm giữa những ngọn núi tạo nên sườn phía Đông của Arabah (Wadi Araba), một thung lũng lớn chạy từ Biển Chết đến Vịnh Aqaba. Nó nổi tiếng vì có rất nhiều bức tượng được tạc trên vách đá. Khu vực được che giấu trong một thời gian rất dài này được công bố cho thế giới phương Tây bởi một nhà thám hiểm người Thuỵ Sĩ, Johann Ludwig Burckhardt, vào năm 1812. Nó cũng được công nhận như “một thành phố hoa hồng đỏ với tuổi đời bằng một nửa độ dài của thời gian” trong một bài thơ sonnet đạt giải thưởng Newdigate của John William Burgon. Burgon thực sự chưa đến thăm Petra, nơi mà người châu Âu chỉ có thể tiếp cận với sự trợ giúp của hướng dẫn viên địa phương và đội hộ tống có vũ trang sau khi Thế chiến thứ nhất kết thúc. Khu vực này được công nhận là di sản thế giới của UNESCO năm 1985 và được mô tả là "một trong những tài sản văn hoá quý giá nhất của nhân loại".

6. Đấu trường La Mã được biết đến đầu tiên dưới cái tên *Amphitheatrum Flavium* theo tiếng Latinh hoặc *Anfiteatro Flavio* tiếng Ý, sau này gọi là *Colosseum* hay *Colosseo*, là một đấu trường lớn ở thành phố Roma. Công suất chứa lúc mới xây xong là 50.000 khán giả. Đấu trường được sử dụng cho các võ sĩ giác đấu thi đấu và trình diễn công chúng. Đấu trường được xây dựng khoảng năm 70 và 72 sau Công Nguyên dưới thời hoàng đế Vespasian. Đây là công trình lớn nhất được xây ở Đế chế La Mã được hoàn thành năm 80 sau Công Nguyên dưới thời Titus, với nhiều chỉnh sửa dưới thời hoàng đế Domitian. Đấu trường Colosseum vẫn được sử dụng gần 500 năm với những bằng chứng ghi chép được về trận đấu thế kỷ 6 - rất lâu sau khi Đế chế La Mã sụp đổ năm 476. Ngoài sử dụng làm nơi đấu của võ sỹ, nơi đây còn được dùng làm biểu diễn công chúng, tập trận giả trên biển, săn thú, kịch cổ điển. Công trình này dẫn dần thôi được sử dụng làm nơi giải trí thời Trung Cổ. Sau này, đấu trường được sử dụng làm nhà ở, cửa hàng, tôn giáo, pháp đài... Dù hiện nay bị hoang phế nhiều do động đất và nạn cướp đá, Colosseum vẫn từ lâu được xem là biểu tượng của Đế chế La Mã và là một trong những mẫu kiến trúc La Mã đẹp nhất còn sót lại. Đây là điểm tham quan hấp dẫn của Roma và vẫn còn nhiều liên hệ với Nhà thờ Cơ Đốc. Hằng năm vào thứ sáu Phục Sinh, Đức Giáo Hoàng vẫn có cuộc diễn hành cầm đuốc đến Colosseo.

7. Tāj Mahal là một lăng mộ nằm tại Agra, Ấn Độ. Hoàng đế Môgôn Shāh Jahān (gốc Ba Tư, lên ngôi năm 1627); trong tiếng Ba Tư *Shah Jahan* (ماش óc (جها nghĩa là "chúa tể thế giới" đã ra lệnh xây nó cho người vợ yêu dấu của mình là Mumtaz Mahal.Công việc xây dựng bắt đầu năm 1632 và hoàn thành năm 1648. Một số tranh cãi xung quanh câu hỏi ai là người thiết kế Taj Mahal; rõ ràng một đội các nhà thiết kế và thợ thủ công đã chịu trách nhiệm thiết kế công trình và Ustad Ahmad Lahauri được coi là kiến trúc sư chính. Sau khi hoàn tất, ông ra lệnh chặt hết tay của những người thợ xây để không bao giờ họ còn có thể xây nên một ngôi đền đẹp như thế này nữa. Taj Mahal nói chung được coi là hình mẫu tuyệt vời nhất của Kiến trúc Môgôn, một phong cách tổng hợp các yếu tố của các phong cách Kiến trúc Ba Tư, Thổ Nhĩ Kỳ, Ấn Độ, và Hồi giáo. Tuy phần mái vòm bằng đá cẩm thạch trắng của lăng là phần nổi bật nhất, thực tế Taj Mahal là một tổng hợp các phong cách kiến trúc. Nó được được liệt vào danh sách các Địa điểm Di sản Thế giới của UNESCO năm 1983 và được miêu tả là một "kiệt tác được cả thế giới chiêm ngưỡng trong số các di sản thế giới."

III. Bảy kỳ quan thiên nhiên mới của thế giới

Theo trang web www.New7wonders.com , đây chỉ mới là kết quả sơ bộ dựa trên việc thống kê số lượng bầu chọn đến thời điểm "khóa sổ" (lúc 11 giờ 11 phút 11 giây, ngày 11.11.11, giờ GMT). Có thể sẽ có thay đổi giữa 7 địa danh chiến thắng tạm thời. Việc tính toán kết quả bỏ phiếu hiện đang được kiểm tra và xác nhận độc lập. Bảy địa danh chiến thắng sẽ chính thức được công bố vào đầu năm 2012.

1. Vịnh Hạ Long nằm ở tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam. Vịnh có bờ biển dài 120 km, diện tích 1.553 km^2, với 1.969 hòn đảo lớn nhỏ, nhiều hồ bên trong những hang động đá vôi khổng lồ. Vùng vịnh Hạ Long được UNESCO công nhận là di sản thiên

nhiên thế giới có diện tích 434 km², như một hình tam giác với ba đỉnh là đảo Đầu Gỗ (phía tây), hồ Ba Hầm (phía nam) và đảo Cống Tây (phía đông), bao gồm 775 đảo với nhiều hang động, bãi tắm. Vịnh là môi trường sống của 200 loài cá và 450 loại động vật thân mềm khác.

2. Amazon là rừng mưa nhiệt đới, có diện tích 7 triệu km^2, trong đó, rừng già chiếm 5,5 triệu km^2. Khu rừng trải rộng trên 9 quốc gia và vùng lãnh thổ của Nam Mỹ (Bolivia, Brazil, Colombia, Ecuador, Peru, Guiana, Guyana, Surianme, Venezuela).

Diện tích rừng Amazon chiếm hơn ½ trong tổng diện tích các khu rừng nhiệt đới trên toàn hành tinh, với hệ đa dạng sinh học lớn nhất thế giới. Bên cạnh đó, con sông Amazon cũng là sông lớn nhất thế giới, với tổng lưu lượng nước lớn hơn 10 con sông lớn tiếp theo trên thế giới cộng lại.

3. Thác nước Iguazu là một trong những thác nước lớn nhất thế giới, bao gồm 275 thác nhỏ cùng tạo nên một quần thể thác lớn Iguazu. Đỉnh cao nhất của thác cao 80m. Thác nằm giữa Brazil và Argentina, được bao quanh bởi hai vườn quốc gia của hai nước này.

4. Jeju là một hòn đảo núi lửa ở Hàn Quốc. Đây là đảo lớn nhất và là tỉnh nhỏ nhất ở Hàn Quốc. Hòn đảo có diện tích bề mặt 1.846 km^2. Tâm điểm của đảo Jeju là ngọn núi cao nhất Hàn Quốc Hallasan (đã ngưng hoạt động, cao 1.950m so với mặt nước biển). Xung quanh Hallasan còn có 360 núi lửa "vệ tinh".

5. Vườn quốc gia Komodo của Indonesia bao gồm ba đảo lớn là Komodo, Rinca và Padar cùng nhiều đảo nhỏ hơn, với tổng diện tích 1.817 km^2. Khuôn viên vườn quốc gia này được thành lập vào năm 1980 để bảo vệ con rồng Komodo. Sau đó, nó cũng là khu bảo tồn nhiều loài vật khác, bao gồm cả động vật biển. Những hòn đảo của công viên quốc gia có nguồn gốc núi lửa.

6. Sông ngầm Puerto Princesa (Philippines) là dòng chảy dưới một núi đá vôi, với chiều dài 8,2 km. Cảnh quan ở đây bao gồm những nhũ đá, măng đá và hang động. Đây được xem là sông ngầm dài nhất thế giới.

7. Núi Bàn là một biểu tượng của Nam Phi, cao 1.086m so với mực nước biển. Đây cũng là địa danh tự nhiên duy nhất trên hành tinh này có một chòm sao được đặt tên theo nó là Mensa, nghĩa là "bàn". Ngọn núi có đỉnh bằng phẳng đã trải qua 6 triệu năm xói mòn và tạo nên sự màu mỡ. Đây là vương quốc của những loài hoa nhỏ nhất trên trái đất với hơn 1.470 loài. Núi Bàn tự hào là nơi chứa nhiều loài động thực vật quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng. Núi Bàn là danh thắng được biết đến nhiều nhất ở Cape Town, cửa ngõ vào châu Phi.

IV. 10 nước có trữ lượng dầu lớn nhất thế giới

01. Ả rập Xê-út (trữ lượng dầu mỏ: 266,75 tỷ thùng)
02. Canada (trữ lượng dầu mỏ: 178,59 tỷ thùng)
03. Iran (trữ lượng dầu mỏ: 138,4 tỷ thùng)
04. Iraq (trữ lượng dầu mỏ: 115 tỷ thùng)
05. Kuwait (trữ lượng dầu mỏ: 104 tỷ thùng)

06. Các tiểu vương quốc Ảrập thống nhất (UAE) (trữ lượng dầu mỏ: 97,8 tỷ thùng)

07. Venezuela (trữ lượng dầu mỏ: 87,3 tỷ thùng)

08. Nga (trữ lượng dầu mỏ: 60 tỷ thùng)

09. Libya (trữ lượng dầu mỏ: 41,46 tỷ thùng)

10. Nigeria (trữ lượng dầu mỏ: 36,2 tỷ thùng)

BÀI 6

HỢP CHÚNG QUỐC HOA KÌ

I. Nguồn gốc tên gọi

Tên chính thức **The United States of America** xuất hiện lần đầu tiên vào năm 1776, lúc này chỉ mới có 13 bang đầu tiên. Ngày nay Hoa Kỳ gồm 50 bang, quận Columbia (tức thủ đô Oa-sinh-tơn) trực thuộc liên bang và một số lãnh thổ ở hải ngoại. Các cách viết tắt thông thường của **United States of America** gồm có *United States*, *U.S* và *U.S.A.* Các tên thông tục cho quốc gia này bao gồm thuật từ thường sử dụng là *America* (Mỹ) hay là *the States*. Thuật từ *Americas* để chỉ các vùng đất tây bán cầu được đặt vào đầu thế kỷ 16 theo tên của nhà thám hiểm kiêm chuyên gia vẽ bản đồ người Ý là ***Amerigo*** Vespucci. Tên đầy đủ của quốc gia này lần đầu tiên được dùng chính thức trong Tuyên ngôn Độc lập như sau "Tuyên ngôn nhất trí đồng thuận của 13 tiểu bang Hợp chúng quốc Hoa Kỳ" được "Các đại biểu của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ" chấp thuận ngày 4 tháng 7 năm 1776. Tên hiện tại được khẳng định một lần nữa vào ngày 15 tháng 11 năm 1777 khi Đệ nhị Quốc hội Lục địa chấp thuận "Những Điều khoản Liên hiệp". Điều khoản đầu phát biểu như sau "Tên gọi của Liên bang này sẽ là *Hợp chúng quốc Hoa Kỳ.*"

Tên *Columbia* cũng có một thời là tên thông dụng để chỉ châu Mỹ và Hoa Kỳ. Nó được lấy ra từ tên của Christopher Columbus, người khám phá ra châu Mỹ và tên này xuất hiện trong tên *District of Columbia* (chính là thủ đô Washington D.C. của Hoa Kỳ). Hình tượng Columbia với đặc điểm của một người phụ nữ xuất hiện trên một số tài liệu chính thức, bao gồm một số loại tiền của Hoa Kỳ. Cách thông thường để nói đến một công dân Hoa Kỳ là dùng từ người Mỹ (*American*).

Trong tiếng Việt, tên Hợp Chúng Quốc Châu Mỹ là theo phiên âm Hán-Việt: **Mỹ Lợi Kiên Hợp Chúng Quốc**. Chữ *chúng*, có nghĩa là "nhiều", đôi khi được viết thành *chủng* vì nhiều người nghĩ rằng từ đó có nghĩa là "chủng tộc", vì nước này nổi tiếng là một quốc gia đa chủng tộc, đa văn hóa. Do đó tên gọi *Hợp Chủng Quốc* hoặc *Hiệp Chủng Quốc* hiện nay được dùng khá phổ biến tại Việt Nam, kể cả trong một số văn kiện chính thức. Tuy nhiên, từ năm 2007, Bộ Ngoại giao Việt Nam đã có công văn chính thức công nhận và đề nghị thống nhất sử dụng tên gọi "Hợp chúng quốc Hoa Kỳ". Đại sứ quán Hoa Kỳ ở Hà Nội sử dụng tên "Hợp chúng quốc" và "Hợp chủng quốc", còn Lãnh sự quán Hoa Kỳ ở TP. Hồ Chí Minh sử dụng tên "Hiệp chủng quốc."

"***America***" phiên âm Hán Việt là ***A Mỹ Lợi Gia***, người Việt thường gọi tắt là **Mỹ**. Từ Hán-Việt "**Hoa Kỳ**" (hay còn gọi là Huê Kỳ) phát xuất từ quốc kỳ của nước này, với nhiều ngôi sao lấp lánh, giống như những bông hoa. Tên này vẫn dùng trong

tiếng Việt, mặc dù trong tiếng Hán không còn dùng nữa. Đối với dân chúng Hoa Kỳ, lá cờ Mỹ là một biểu tượng quan trọng. Trong cuộc nổi dậy chống lại người Anh, George Washington yêu cầu Besty Ross may một lá cờ để động viên tinh thần binh sỹ của mình. Lá cờ này có 13 vạch, 7 vạch đỏ, 6 vạch trắng và ở một góc lá cờ có 13 ngôi sao trắng trên nền xanh tượng trưng cho 13 bang. Ngày 14 tháng 6 năm 1777, lá cờ này đã trở thành Quốc kỳ của một Quốc gia độc lập có chủ quyền - Hợp chúng quốc Hoa Kỳ. Cứ mỗi bang mới nhập, lá cờ lại có thêm một ngôi sao. Ngày nay lá cờ Mỹ, có tên gọi là Old Glory hoặc Stars and Stripes, được thấy khắp mọi nơi trên đất Hoa Kỳ. Mỗi một bang ở Hoa Kỳ đều có cờ riêng của mình. Cờ mỗi bang đều có hình hoặc biểu tượng đặc thù của bang.

II. Khoảng cách giàu nghèo tại Mỹ gia tăng

Thu nhập bình quân đầu người giảm xuống còn 50.303 USD và 9,8 triệu hộ phải sống nhờ vào thực phẩm cứu trợ. Do suy thoái, khoảng cách giàu nghèo tại Mỹ tăng lên mức cao nhất trong lịch sử. Mỹ có nhiều người béo phì hơn bất cứ quốc gia nào khác trên thế giới. Bên cạnh đó, 50 triệu người Mỹ khác, tương đương với một phần sáu dân số, đang phải vật lộn từng ngày để kiếm ăn.

Suy thoái kinh tế ảnh hưởng mạnh nhất đến những người có thu nhập trung bình và thấp, các chuyên gia phân tích đã chỉ rõ. Do đó, khoảng cách giữa tầng lớp giàu nhất và nghèo nhất càng dãn rộng khi tỷ lệ thất nghiệp không ngừng gia tăng và túi tiền người dân ngày càng eo hẹp. Cuối tuần vừa rồi, Mỹ công bố số liệu cho thấy trong năm 2008, những người giàu nhất, có thu nhập cao hơn 11,4 lần so với nhóm cận nghèo hoặc dưới mức nghèo khổ. Trong khi nhóm 10% dân số Mỹ kiếm được trung bình 138.000 USD mỗi năm, những người nghèo chỉ kiếm được trung bình 12.000 USD. Tỷ lệ giàu - nghèo năm nay cao hơn con số 11,2 lần hồi 2007, và vượt kỷ lục cũ lập hồi 2003 tại 11,22. Chênh lệch giàu nghèo thể hiện rõ rệt nhất ở những thành phố lớn như Washington, New York và mờ nhạt nhất ở những vùng đông tầng lớp trung lưu như California, Texas.

Thu nhập của mọi tầng lớp đều bị hao hụt, nhưng những gia đình nghèo và trung lưu tại Mỹ chứng kiến sự suy giảm rõ rệt hơn. Thu nhập bình quân đầu người của người dân Mỹ giảm từ 52.163 USD xuống còn 50.303 USD trong năm vừa rồi. Suy thoái kinh tế đã làm biến mất cả một thập kỷ tăng trưởng, đưa thu nhập của người dân về mức thấp hồi 1997. Tỷ lệ nghèo cũng lập kỷ lục với 13,2%, cao nhất trong vòng 11 năm trở lại đây. Tại những khu vực tập trung đông dân cư như thành phố Stockton, California có tỷ lệ người nghèo tăng từ 14,1% lên 16,8% trong năm 2008. Lượng người nghèo tại thành phố Lakeland-Winter Haven, Florida, tăng từ 12,7% lên 15,4%. Thu nhập của nhóm giàu nhất, kiếm được trên 180.000 USD, chiếm 5% dân số Mỹ, cao hơn 3,58% so với mức lương trung bình của tầng lớp trung lưu. Đây cũng là khoảng cách cao nhất kể từ 2006 giữa hai nhóm này. Lượng tem phiếu thức ăn phát cho người nghèo tăng 13% trong năm ngoái, với 9,8 triệu hộ gia đình phải sống nhờ vào thực phẩm miễn phí của chính phủ. Hầu hết những gia đình này có từ 2 đến 3 lao

động, và hiện không có việc làm. Tại nhiều thành phố như Pharr, bang Texas hay Flint, Michigan, có tới hơn một phần ba dân số phải sống bằng tem phiếu.

Giới phân tích cho rằng nguyên nhân của hiện tượng này là làn sóng sa thải nhân công trong suy thoái tài chính. Trong khi tầng lớp giàu nhất chỉ bị cắt giảm lương thưởng, những người ở dưới đáy thang thu nhập đối mặt với nguy cơ bị sa thải và phải vật lộn để duy trì cuộc sống. Những con số này được lấy từ Thống kê dân số và cộng đồng Mỹ 2008, thực hiện trên 3 triệu hộ gia đình. Kết luận này được công bố hồi tuần trước, khi chính quyền liên bang đang cân nhắc siết chặt lương thưởng của giới lãnh đạo các công ty, ngân hàng. Tổng thống Mỹ Barack Obama cũng yêu cầu phải đánh thuế cao nhằm vào nhóm người giàu.

BÀI 7

LIÊN MINH CHÂU ÂU (EU)

Tại sao lá cờ của EU lại có 12 ngôi sao?

Tại vì Liên minh châu Âu (Europe Union) có 12 nước? Vừa đúng lại vừa sai. Đúng là bởi vì do một sự trùng lặp ngẫu nhiên mà khi lá cờ EU được chính thức công bố thì EU quả thật có 12 thành viên. Sai bởi vì không lẽ khi EU cứ kết nạp thêm một thành viên thì họ lại phải thêm một ngôi sao vào hay sao? Nếu như vậy thì bây giờ cờ của EU phải có tới 27 ngôi sao rồi ý chứ?

Để tìm hiểu lý do, chúng ta cần phải quay lại năm 1955 khi Bá tước Coudenhove-Kalergi, người đứng đầu Ủy ban phê duyệt lá cờ của Hội đồng châu Âu đề nghị chọn thánh giá làm biểu tượng cho lá cờ. Ai cũng biết Bá tước là một người Công giáo sùng đạo và chắc hẳn bởi sự ảnh hưởng của ông mà cho dù thánh giá không được chọn thì một biểu tượng khác của Công giáo, biểu tượng Đức thánh Đồng trinh với 12 ngôi sao trên trán đã được chọn.

Lá cờ EU hiện nay có nền xanh đậm với 12 ngôi sao vàng tạo thành một vòng tròn ở giữa, được họa sĩ Đức Arsene Heitz vẽ kiểu, và Hội đồng châu Âu chọn vào năm 1955, nhưng mãi đến năm 1986 mới được Cộng đồng châu Âu trở thành Liên minh châu Âu (EU) chọn. Việc thành hình lá cờ này cũng gặp không ít khó khăn. Nếu biểu tượng ngôi sao đều được nhất trí chọn, các nước thành viên không đồng ý về số lượng ngôi sao. Thời ấy Hội đồng châu Âu có 15 thành viên, nhưng Đức không đồng ý con số 15, vì một trong 15 thành viên là Sarre, vùng đất Đức dưới quyền cai trị của Pháp. Đức đề nghị con số 14, nhưng Pháp không đồng ý. Con số 13 được cho là xui xẻo cũng bị loại bỏ. Cuối cùng hội đồng chấp thuận con số 12, vì đây là con số không có ý nghĩa chính trị và là một biểu tượng chỉ sự trọn vẹn, đầy đủ và lệ thuộc nhau giữa các nước. Ngoài ra, con số 12 có mặt trong nhiều nét văn hoá và truyền thống của châu Âu, như: 12 ngôi sao trên vương miện đội của Nữ Vương Thiên Đàng trong sách Khải Huyền, Chương 12; 12 tông đồ của Chúa Giêsu Kitô; 12 ngày của Giáng Sinh;

12 người con trai của Jacob; 12 bộ tộc của Israe; 12 tiên tri nhỏ trong Kinh Thánh; 12 bảng của Luật La Mã; 12 vị thần Olympian; 12 lao động của Hercules; 12 Caesars ghi chép bởi Suetonius; 12 cuốn sách của Paradise Lost và Aeneid; 12 biểu tượng của hoàng đạo; 12 màu sắc trong ngôi sao màu sắc, bánh xe hoặc hình cầu (nghệ thuật phương Tây); 12 giờ trên đồng hồ; 12 tháng trong một năm; 12 ounces trong một pound troy; 12 semitones trong một quãng tám.

Ngoài lá cờ này, EU còn chọn bài ca của Liên minh là bài Ode to Joy (Ngợi ca niềm vui) của nhạc sĩ Beethoven, phương châm là United in diversity (Hợp nhất trong đa dạng) và ngày lễ chung là ngày 9-5.

BÀI 8
LIÊN BANG NGA

Hồ Bai-can có 25 triệu năm tuổi, nằm ở phía nam Đông Xiberi. Đây là hồ nước ngọt sâu nhất trên thế giới (sâu 1.637m) và được ghi trong danh sách các Di sản thiên nhiên thế giới của UNESCO vào năm 1996. Hồ có chiều dài 636 km, rộng 80 km. Vùng Baican có diện tích 386.000 km^2, phần trung tâm – 55.000 km2. Hồ Baican - nguồn tài nguyên nước chiến lược chủ yếu của nước Nga. Thể tích nước trong hồ - khoảng 23.000 km^3, chiếm 20% trữ lượng nước ngọt thế giới nhiều hơn số nước ngọt tại Ngũ Đại Hồ (Bắc Mĩ) cộng lại và 90% nguồn trữ lượng của nước Nga. Được 336 nhánh sông cung cấp nước. Theo tiếng địa phương, Bai-can có nghĩa là "***Hồ nước màu mỡ giàu có***" với gần 1.800 loài động, thực vật.

BÀI 9
NHẬT BẢN

I. Nguồn gốc tên gọi

Tên "Nhật Bản" viết theo Rōmaji là Nihon, theo chữ Hán hai chữ "Nhật Bản" có nghĩa là "gốc của Mặt Trời" và như thế, được hiểu là "đất nước Mặt Trời mọc".

Nhật Bản còn có các mỹ danh là "xứ sở hoa anh đào", vì cây hoa anh đào (*sakura*) mọc trên khắp nước Nhật từ Bắc xuống Nam, những cánh hoa "thoắt nở thoắt tàn" được người Nhật yêu thích, phản ánh tinh thần nhạy cảm, yêu cái đẹp, sống và chết đều quyết liệt của dân tộc họ; "đất nước hoa cúc" vì bông hoa cúc 16 cánh giống như Mặt Trời đang tỏa chiếu là biểu tượng của hoàng gia và là quốc huy Nhật Bản hiện nay; "đất nước Mặt Trời mọc" vì Nhật Bản là quốc gia ở vùng cực đông, tổ tiên của họ là nữ thần Mặt Trời Amaterasu (Thái dương thần nữ).

Vào thế kỷ thứ 4, Nhật Bản đã lấy tên nước là Yamato. Còn người Hán từ trước Công nguyên đã gọi Nhật là Nụy quốc ("nước lùn"), người Nhật là Nụy nhân ("người lùn"), những tên cướp biển trên biển Đông Trung Hoa thời Minh là Nụy khấu ("giặc lùn"). Do thời đó người Nhật chưa có chữ viết riêng nên Yamato được viết bằng chữ Hán. Sau này, người Nhật dùng hai chữ Hán (Đại Hòa) để biểu ký âm Yamato, thể hiện lòng tự tôn dân tộc.

Nhật Bản còn được gọi là Phù Tang. Cây phù tang, tức một loại cây dâu. Theo truyền thuyết cổ phương Đông có cây dâu rỗng lòng gọi là Phù Tang hay Khổng Tang,

là nơi thần Mặt Trời nghỉ ngơi trước khi cưỡi xe lửa du hành ngang qua bầu trời từ Đông sang Tây, do đó Phù Tang hàm nghĩa văn chương chỉ nơi Mặt Trời mọc.

Năm 670, niên hiệu Hàm Hanh (670-674) thứ nhất đời vua Đường Cao Tông, Nhật Bản gửi một sứ bộ đến chúc mừng triều đình nhà Đường nhân dịp vừa bình định Triều Tiên và từ đó được đổi tên là Nhật Bản.

II. Kyoto - "Thủ đô phía Tây" của đất nước mặt trời mọc

Không phải ngẫu nhiên cái tên Kyoto gắn với nghị định thư nổi tiếng về môi trường. Đây không những là cố đô, là trung tâm văn hóa, học thuật của Nhật Bản mà còn chứa đựng những điều khiến ai chưa đến sẽ chưa thực sự hiểu về đất nước mặt trời mọc.

Kyoto nằm trên phần đất phía Tây của đảo Honshu, hiện là thủ phủ của tỉnh Kyoto và cũng là khu vực rất quan trọng trong trung tâm chính trị văn hóa Osaka – Kobe – Kyoto. Vậy quanh bốn bên là núi, Kyoto nổi tiếng với những đêm mùa hè oi ả không một cơn gió, nhưng cũng được biết đến nhiều với vẻ nên thơ không đâu có được.

Cảnh trí của thành phố này thay đổi theo từng mùa và trong suốt 20 thế kỷ qua đã là cái nôi tự nhiên nuôi dưỡng nghệ thuật – văn hóa, là một di sản vô giá đối với người dân Nhật Bản. Vào mùa Xuân, nơi đây tưng bừng sắc màu của hoa lá, cây cỏ và âm thanh của những lễ hội cổ truyền. Mùa hè cũng là trung tâm diễn ra các cuộc thi đấu thể thao lớn, còn mùa Thu và mùa Đông là một tổ ấm tinh thần cho tất thảy những người dân nước này. Cuối tháng 3 này, khi mùa Xuân về, khắp Kyoto sẽ đắm chìm trong sắc màu của hoa Anh Đào cùng muôn sắc hoa khác. Hoa vây quanh các ngôi đền cổ,... đến những lối nhỏ dẫn vào các khu nhà vườn

Kyoto từng là thủ đô của Nhật Bản, nơi đóng đô của Nhật Hoàng trong khoảng 1.000 năm, từ khi thành phố được xây dựng năm 794 đến khi Nhật Hoàng dời đô về Tokyo năm 1868. Vào thế kỷ thứ 8, khi tầng lớp Phật giáo đầy quyền lực có quyền can thiệp vào công việc của chính phủ Hoàng đế, Nhật Hoàng đã quyết định rời đô đến một nơi cách xa ảnh hưởng của Phật giáo. Nơi đóng đô mới có tên là Heuankyo (có nghĩa là "Thủ đô Heian") sau đó được đổi tên là Kyoto (có nghĩa là "Thành phố thủ đô"). Chính phủ được chuyển về Edo năm 1868, vào thời điểm khôi phục đế chế. Sau khi Edo được đổi tên thành Tokyo (Thủ đô Phía Đông), Kyoto nổi tiếng suốt một thời gian dài với biệt danh Saikyo (Thủ đô phía Tây).

Kyoto trở thành thành phố được chính phủ chọn là khu vực kiến trúc đặc biệt năm 1956. Năm 1997, Kyoto đăng cai hội nghị và nổi tiếng với nghị định thư về khí thải gây hiệu ứng nhà kính mang tên thành phố này. Hiện đây là thành phố lớn thứ 7 của Nhật bản với dân số hơn 1,5 triệu và có một diện mạo rất hiện đại.

Trong nhiều thế kỷ, chiến tranh và hỏa hoạn đã nhiều lần tàn phá Kyoto. Ít ai biết rằng Kyoto từng bị Mỹ nhắm là mục tiêu ném bom nguyên tử vào cuối Chiến tranh Thế giới thứ II, nhưng rất may mắn là thành phố được được loại khỏi danh sách. Cũng nhờ thế, Kyoto là thành phố lớn duy nhất của Nhật Bản còn lưu giữ được rất

nhiều những tòa nhà truyền thống được xây dựng từ trước chiến tranh cũng như vô số những đền thờ và những công trình kiến trúc cổ vô giá.

Cả Kyoto có chung một biểu tượng, đó là đền Toji, ngôi đền cổ nhất Nhật Bản. Tại thành phố được bảo tồn tốt nhất Nhật Bản này, 1.600 ngôi chùa và 400 ngôi đền thờ đạo thần, những cung điện, nhà vườn và công trình kiến trúc giá trị vẫn nguyên vẹn.

Nhưng Kyoto không chỉ là cố đô cổ kính và cũ kỹ. Đây còn là thành phố hiện đại, nơi có nền văn hóa mới phát triển trên cơ sở kế thừa những gì tốt đẹp nhất. Kyoto ngày nay khoác trên mình chiếc áo sặc sỡ với những điểm sáng lung linh, nổi tiếng là trung tâm của các ngành công nghiệp truyền thống, nghệ thuật, học thuật và tôn giáo. Nơi đây có 3 trường đại học nổi tiếng là Doshisha, Kyoto và đại học Rutsumeikan, mỗi năm thu hút hàng nghìn sinh viên nước ngoài theo học.

Điều ý nghĩa nhất là cho đến tận bây giờ, trong tâm tưởng của nhiều người dân Nhật Bản, Kyoto vẫn là thủ đô của họ.

III. Bản đồ Nhật Bản thay đổi sau trận động đất ngày 11/3/2011

Trận động đất mạnh 8,9 độ richter ở Nhật Bản ngày 11.3.2011, nâng trái đất khoảng 17cm trên trục quay và khiến ngày ngắn đi 1,8 micro giây (1 micro giây bằng một phần triệu của giây).

Hòn đảo chính của Nhật Bản là Honshu cũng bị xê dịch khỏi vị trí cũ khoảng 2,4m. "Hiện tượng trục quay trái đất bị dịch chuyển sẽ khiến chu kỳ quay của trái đất thay đổi" - nhà địa vật lý Richard Gross (Mỹ) cho biết. Trục quay này càng nghiêng gần về phía xích đạo, quá trình xoay vòng của trái đất càng bị đẩy nhanh lên. Vòng xoay lại xác định thời lượng của một ngày. Do đó khi vòng xoay thay đổi, thời lượng của ngày cũng thay đổi.

"Tác động của trận động đất vừa xảy ra tại Nhật Bản lên trục quay trái đất còn lớn hơn nhiều so với tác động của trận động đất mạnh 9,1 độ richter tại Chile vào năm 2004" - Giám đốc Viện Khảo sát vật lý địa chất Mỹ Antonio Piersanti thông báo ngày 13.3. Theo Shengzao Chen - một nhà địa vật lý thuộc Cơ quan Khảo sát địa chất Mỹ (USGC), trận động đất xảy ra do vỏ trái đất bị nứt dọc một khu vực dài tới 400km và rộng 160km, khiến các địa tầng kiến tạo bị trượt tới hơn 18m.

Chỉ sau 36 giờ xảy ra động đất, các khu vực ở phía tây Nhật Bản bị đẩy lùi gần về phía Bắc Mỹ khoảng 3,66m và toàn bộ nước Nhật Bản bị đẩy thấp xuống khoảng 0,6m.

IV. Nhật đạt kỷ lục về hiếm trẻ em

Ngày càng có ít người tham dự Ngày Trẻ em ở Nhật Bản. Điều này làm dấy lên lo lắng rằng, Nhật sẽ phải đối mặt với những khó khăn về lực lượng lao động và người đóng thuế để hỗ trợ cho dân số đang già hoá nhanh chóng.

Số lượng trẻ em tuổi dưới 15 trong tháng 4/2010 còn 16,9 triệu em, giảm 190.000 người so với năm trước đó, theo báo cáo thường niên của Bộ Nội vụ Nhật. Tỉ lệ trẻ em ở Nhật cũng vẫn tiếp tục giảm trong 36 năm liên tiếp, còn khoảng 13% tại quốc gia có 127 triệu dân này.

Trong khi đó, tỉ lệ dân số già vẫn tăng nhanh chóng. Số người từ 65 tuổi trở lên tăng tới 23% dân số cả nước (60 năm trước, con số này mới là 5%) và vẫn tiếp tục tăng lên. Vào năm 1950, trẻ em chiếm khoảng hơn 1/3 dân số Nhật.

Xu thế nhân khẩu học này xuất phát từ tỉ lệ sinh thấp, tuổi thọ dân số cao đã khiến Nhật Bản phải đối mặt với áp lực ngày càng lớn về thiếu lực lượng lao động, thu nhập thuế giảm sút và quá tải hệ thống lương hưu.

Nhật Bản có tỉ lệ trẻ em thấp nhất trong số 27 quốc gia có số dân trên 40 triệu người, đứng sau là Đức với 13,6% và Italy là 14%. Ethiopia có tỉ lệ dân số trẻ cao nhất với 45%.

Các nỗ lực của chính phủ để thúc đẩy tỉ lệ sinh tại Nhật tỏ ra ít thành công. Chính quyền của Thủ tướng Yukio Hatoyama gần đây đã áp dụng một chương trình hỗ trợ các gia đình có con nhỏ cho tới những năm trung học để khuyến khích phụ nữ có thêm nhiều con và góp phần gia tăng chi tiêu.

Tokyo cũng có các biện pháp khuyến khích người già tiếp tục lao động, đồng thời giới thiệu hệ thống bảo hiểm sức khoẻ mới để chia sẻ với gánh nặng chi phí y tế cho người từ 75 tuổi trở lên.

Theo ước tính của chính phủ Nhật Bản, trong 12 năm tới, tỉ lệ trẻ em sẽ giảm xuống dưới 11% dân số, trong khi đó tỉ lệ dân số già chiếm gần 30%.

V. Năm 2010: Dân số Nhật giảm kỷ lục

Năm 2010, số người bị chết cao chưa từng có trong những năm trước đây khiến dân số nước Nhật đang phải đối mặt với hai vấn đề về số lượng và chất lượng.

Sức ép đang đè nặng lên nước Nhật. Thế hệ "bùng phát trẻ em" (baby boomer) sau chiến tranh giờ đã nghỉ hưu, người làm việc và nộp thuế (làm nên ngân sach quốc gia) giảm sút. Tuổi thọ của họ cao nhất thế giới và tỷ lệ sinh lại vào hàng thấp nhất.

Con số thống kê ghi nhận năm 2010 có 1,19 người chết là con số lớn nhất kể từ năm 1947. Số sinh chỉ là 1,07 triệu. Số người tham gia lao động giảm 125.000 người, lớn nhất trong 4 năm liên tiếp. Nguyên nhân tử vong chủ yếu là ung thư, bệnh tim mạch và đột quỵ.

Hiên nay, 1/4 dân số Nhật trên 65 tuổi. Theo ước tính, đến năm 2050, tỷ lệ này sẽ lên tới 40%.

Giống như các nước tiên tiến khác, những người trẻ ở Nhật kết hôn rất muộn để có cơ hội thăng tiến trong nghề nghiệp và theo cách sống hiện đại. Khi đã lập gia đình, sinh rất it con, thậm chí còn chọn phương án "các gia đình không con". Trong năm qua, chỉ có 706.000 người kết hôn, là con số thấp nhất kể từ năm 1954.

BÀI 10

CỘNG HOÀ NHÂN DÂN TRUNG HOA

I. Nguồn gốc tên gọi

Trung Quốc, có nghĩa là "quốc gia trung tâm" hay "vương quốc trung tâm", dịch sang tiếng Anh là *Central Kingdom* hay *Central Country*, hay ít chính xác hơn là "Middle Country" và "Middle Kingdom". Tên gọi này không chỉ mang ý nghĩa Trung

Quốc ở giữa các nước khác mà còn thể hiện Trung Quốc là ở trung tâm "thiên hạ", có văn hóa và sức mạnh nổi trội hơn các dân tộc và quốc gia xung quanh.

Trong tiếng Anh và nhiều thứ tiếng khác dùng tên *China* (và tiền tố *Sino-*), mà nhiều người coi là tên xuất phát từ tên "nhà Tần" (*Qin*) là triều đại đầu tiên đã thống nhất Trung Quốc, mặc dù vẫn còn nhiều chi tiết cần làm rõ thậm chí nguồn gốc của nó còn nhiều tranh cãi. Mặc dù thực tế nhà Tần chỉ tồn tại rất ngắn và thường bị coi là cực kỳ tàn bạo, nhưng nó đã xác lập một kiểu chữ viết thống nhất tại Trung Quốc và gọi người nắm quyền tối cao của Trung Quốc là "Hoàng đế". Kể từ thời nhà Tần trở đi, những thương nhân trên Con đường tơ lụa đã sử dụng tên gọi "China". Ngoài ra còn nhiều thuyết khác về nguồn gốc của từ này. Ví như: "china“ có nghĩa tiếng Anh là gốm sứ, liên quan đến quốc gia có nghề làm gốm sứ lâu đời của nước này.

II. Muời điều kinh ngạc chưa biết về Trung Quốc

1. Trung Quốc có số người bị tử hình so với phần còn lại của thế giới Theo ước tính của Tổ chức Ân xá Quốc tế (AL) thì các vụ tử hình tại Trung Quốc cao gần gấp ba lần các nước khác trên thế giới cộng lại. Trong năm 2008, tổ chức này xác định được 1.718 vụ thông qua thông tin báo chí và các tài liệu được công bố.

2. Số lượng người Thiên Chúa giáo ở Trung Quốc đã vượt Italy và đại lục sắp trở thành trung tâm Thiên Chúa giáo thế giới. Với sự tăng chóng mặt của các tín đồ Thiên Chúa tại Trung Quốc, người ta ước đoán có khoảng 54 triệu người Thiên Chúa giáo tại đây bao gồm 40 triệu người theo đạo Tin lành và 14 triệu tín đồ Công giáo. Trong khi đó, toàn bộ dân số Italy chỉ có khoảng 60 triệu người, trong đó 79% là người Thiên Chúa giáo, tức khoảng 47,4 triệu người, kém Trung Quốc 12%.

3. Hơn 4000 trẻ em được đặt tên là "Áo Vận" khi đất nước chuẩn bị cho Olympic Bắc Kinh 2008. Olympic Bắc Kinh không chỉ là một niềm tự hào của Trung Quốc, nó là một phần quan trọng trong nhận thức dân tộc khi hơn 4000 trẻ em được đặt tên theo sự kiện này. Hầu hết 4.104 trẻ em với cái tên "Áo vận" nghĩa là Olympics đều được sinh ra trong khoảng năm 2000, khi Trung Quốc đang "đấu tranh" giành quyền đăng cai Thế vận hội mùa hè 2008. Hầu hết những đứa trẻ tên này đều là bé trai. Nhưng đây không phải là cái tên duy nhất liên quan đến Olympics. Hơn 4.000 người Trung Quốc khác được đặt tên theo 5 linh vật của Olympics.

4. Trung Quốc dùng 45 tỷ đôi đũa mỗi năm. Tại Trung Quốc, người ta ước tính được khoảng 45 tỷ đôi đũa bị vứt đi hàng năm. Con số này tương ứng với 1,7 tỷ m3 gỗ hay 25 triệu cây gỗ đến tuổi khai thác.

5. 200 triệu người sống với thu nhập dưới 1 USD/ngày. Những người nghèo tại Trung Quốc ứng với số người có thu nhập dưới ngưỡng nghèo khổ là 1,25 USD/ngày. Tỷ lệ đói nghèo tại Trung Quốc năm 1981 là 64% dân số. May mắn là tỷ lệ này giảm xuống còn 10% năm 2004, đồng nghĩa với khoảng 500 triệu dân phải chống chọi với đói nghèo trong suốt thời gian đó.

6. Hơn 700 triệu người uống nước ô nhiễm. Trung Quốc chiếm 20% dân số thế giới nhưng chỉ chiếm 7% nguồn nước toàn cầu. Thậm chí, theo thống kê của Ngân hàng Thế giới (WB), 90% nguồn nước ngầm tại thành phố là 75% sông, hồ của Trung

Quốc bị ô nhiễm. Điều đó đồng nghĩa với 700 triệu dân đang phải uống nước độc hại hàng ngày.

7. Trung Quốc có thể là nơi phát minh ra kem và mì ống. Một hỗn hợp đông lạnh gồm sữa và gạo đã được phát minh tại Trung Quốc khoảng năm 200 trước công nguyên, là nguồn gốc của món kem hiện đại. Hơn nữa, những tô mì có niên đại 4.000 năm đã được tìm thấy tại điểm khảo cổ phía tây Trung Quốc có thể chứng minh Trung Quốc phát minh ra mỳ ống trước cả Ý.

8. Hơn 50% hàng giả tại châu Âu bắt nguồn từ Trung Quốc. Tại châu Âu, Trung Quốc là quốc gia vi phạm các điều khoản về quyền sở hữu trị tuệ nhiều nhất (54%). CD/DVD là mặt hàng chiếm tỷ lệ nhiều nhất với số lượng lên tới 79 triệu chiếc (44% toàn bộ số hàng giả), tiếp theo là thuốc lá (23%) và may mặc, phụ kiện (10%).

9. Trung Quốc chưa thoát khỏi các đại dịch châu Âu thời Trung cổ. Năm 2009, Trung Quốc phải cách ly cả một thị trấn ở phía tây bắc do dịch hạch thể phổi bùng phát. Nguy cơ lây lan cao và một số trường hợp đã tử vong vì bệnh này ở Ziketan thuộc tỉnh Thanh Hải. Tuy nhiên, do không có báo cáo về các trường hợp lây nhiễm trong vòng 1 tuần, chính quyền đã quyết định dỡ bỏ quyết định cách ly. Tại Trung Quốc, sự bùng phát các dịch bệnh dễ lây nhiễm từ bọ chét hay loài gặm nhấm thỉnh thoảng lại xảy ra.

10. Năm 2025, Trung Quốc sẽ xây dựng 10 thành phố cỡ New York. Quy mô và tốc độ đô thị hóa của Trung Quốc hứa hẹn sẽ phát triển với tỷ lệ chưa từng có. Ước tính dân số thành thị của Trung Quốc sẽ tăng vọt từ 572 triệu dân năm 2005 lên đến 926 triệu năm 2025 và đạt mốc 1 tỷ dân năm 2030. Trong vòng 20 năm, các thành phố tại Trung Quốc sẽ tăng thêm khoảng 350 triệu người - nhiều hơn toàn bộ dân số nước Mỹ ngày nay.

Tới năm 2025, Trung Quốc sẽ có 219 thành phố 1 triệu dân trong khi con số tại châu Âu hiện nay là 35 và 24 thành phố sẽ có hơn 5 triệu dân. Thêm nữa, 40 tỷ km^2 sàn nhà sẽ được xây dựng cùng với khoảng 5 tỷ tòa nhà trong đó 50.000 sẽ là những tòa nhà chọc trời - bằng 10 lần thành phố New York.

III. Khám phá hệ thống tàu cao tốc của Trung Quốc

Bắc Kinh đã đặt tất cả tiềm lực để xây dựng một mạng lưới đường sắt cao tốc quy mô với công nghệ tiên tiến nhất. Trong 3 thập niên qua, Trung Quốc đã tăng gấp đôi tổng chiều dài đường sắt cao tốc. Trong năm tới, Trung Quốc sẽ chi 120 tỷ USD cho việc xây dựng nhiều tuyến đường tàu cao tốc mới.

Các nhà chức trách đường sắt đặt trọng tâm vào việc nâng cao tốc độ hệ thống. Hồi tháng 7/2010, tàu cao tốc nhanh nhất thế giới - đạt vận tốc 380km/h - đã đi vào hoạt động trên chặng Thượng Hải - Tô Châu - Nam Kinh. Tàu chạy nhanh nhất của Nhật Bản chỉ đạt 257km/h, trong khi tàu chạy nhanh nhất của Mỹ vận tốc trung bình đạt 115km/h.

Các tuyến tàu mới đã giảm thời gian đi lại giữa Thượng Hải và Nam Kinh từ 2 giờ xuống còn 73 phút cho dịch vụ chạy thẳng.

IV. Đặc khu kinh tế - thành phố Thâm Quyến

Thâm Quyến là thành phố trực thuộc tỉnh của tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc. Thâm Quyến nghĩa là "con lạch sâu" nhưng hay bị gọi sai thành *Thẩm Quyến*. Hiện nay còn có sông Thâm Quyến (Thâm Quyến hà) ngăn Thâm Quyến với Hồng Kông. Đặc khu kinh tế Thâm Quyến có diện tích 2.050 km², dân số năm 2007 là 8,6 triệu người (kể cả vùng đô thị là 13 triệu), GDP 676,5 tỷ nhân dân tệ. Thành phố giáp biên giới với Hồng Kông, cách Quảng Châu 160 km về phía nam. Cảng Thâm Quyến là một trong những cảng tấp nập nhất Trung Quốc, chỉ sau cảng Thượng Hải. Trong 30 năm qua, Thâm Quyến đã thu hút trên 30 tỷ USD đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp bên ngoài.

Trước khi trở thành đặc khu kinh tế, Thâm Quyến còn là một làng chài. Năm 1979, lãnh đạo tối cao của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa Đặng Tiểu Bình đã cho thành lập Đặc khu kinh tế tại Thâm Quyến. Đây là đặc khu đầu tiên của Trung Quốc do lợi thế nằm giáp Hồng Kông (lúc đó còn là một thuộc địa của Vương quốc Anh). Việc thành lập đặc khu này được coi như là thử nghiệm mô hình kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa tại nước Trung Quốc cộng sản. Địa điểm này được chọn vì cả dân Thâm Quyến và dân Hồng Kông cùng có chung ngôn ngữ (tiếng Quảng Đông), chung văn hóa và dân tộc nhưng lại có giá nhân công, đất đai rẻ hơn nhiều. Ý tưởng đã thành công rực rỡ, tạo tiền đề cho Trung Quốc đẩy nhanh quá trình cải cách mở cửa kinh tế. Thâm Quyến đã trở thành một trong những thành phố lớn nhất vùng đồng bằng châu thổ Châu Giang. Đồng bằng châu thổ Châu Giang đã trở thành trung tâm kinh tế của Trung Quốc và là phân xưởng sản xuất của thế giới. Thâm Quyến, tên gọi trước đây là huyện Bảo An - là huyện thuộc tỉnh Quảng Đông vào tháng 11 năm 1979. Tháng 5 năm 1980, Thâm Quyến chính thức được chuyển thành Đặc khu kinh tế. Năm 1988, Thâm Quyến được cho phép có thẩm quyền về kinh tế tương đương cấp tỉnh của Trung Quốc. Thâm Quyến là đặc khu đầu tiên trong 5 đặc khu kinh tế tại Trung Quốc. Thành phố Thâm Quyến bao gồm 8 quận: La Hồ, Phúc Điền, Nam Sơn, Diêm Điền, Bảo An, Long Cương và Quang Minh tân khu, Bình Sơn tân khu. Các đặc khu kinh tế bao gồm La Hồ, Phúc Điền, Nam Sơn và Diêm Điền.

Nằm trong trung tâm của Đặc khu và sát bên Hồng Kông, La Hồ là trung tâm tài chính thương mại, diện tích 78,89 km². Phúc Điền là trung tâm hành chính của thành phố, là trái tim của Đặc khu, rộng 78,04 km². Nam Sơn rộng 164,29 km² là trung tâm của công nghệ cao, quận này nằm phía đông Đặc khu. Bên ngoài đặc khu, Bảo An rộng 712,92 km² nằm ở phía tây bắc và Long Cương rộng 844,07 km² nằm ở phía đông bắc của Thâm Quyến. Diêm Điền (75,68 km²) là cơ sở dịch vụ hậu cần hàng hải (logistics). Quang Minh Tân khu mới được tách ra từ quận Bảo An kể từ ngày 31 tháng 5 năm 2007, có diện tích 79 km². Cảng Nhan Điền là cảng nước sâu container lớn thứ thứ 2 của Trung Quốc và lớn thứ 4 thế giới.

Bài 11

HIỆP HỘI CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á (ASEAN)

I. Ý nghĩa của biểu tượng và lá cờ của ASEAN

Biểu tượng của ASEAN

Lá cờ của ASEAN từ năm 1984 đến năm 1997

Cờ trước đây (từ năm 1984 - 1997) của ASEAN là tương tự như hiện nay - nó có sáu thân cây lúa đại diện năm thành viên sáng lập và Brunei và từ ASEAN bằng văn bản theo các thân cây. Các nền màu trắng thay vì màu xanh, đường viền của vòng tròn cùng với các từ ASEAN là màu lục lam, và nền vòng tròn là màu vàng sáng. Các thân cây lúa là màu nâu.

Lá cờ của ASEAN hiện nay

Lá cờ ASEAN hiện nay (chính thức từ năm 1997) tượng trưng cho sự hòa bình, bền vững, đoàn kết và năng động của ASEAN. Bốn màu của lá cờ là: xanh, đỏ, trắng và vàng. Màu xanh tượng trưng cho hòa bình và sự ổn định. Màu đỏ thể hiện động lực và can đảm. Màu trắng nói lên sự thuần khiết còn màu vàng tượng trưng cho sự thịnh vượng. Các màu sắc của lá cờ màu xanh, đỏ, trắng, và màu vàng đại diện cho màu sắc chính của những lá cờ quốc gia của tất cả mười nước thành viên ASEAN. 10 thân cây lúa thể hiện ước mơ của các nhà sáng lập ASEAN cho một ASEAN với sự tham dự của 10 nước Đông Nam Á, cùng nhau gắn kết tạo dựng tình bạn và sự đoàn kết. Vòng tròn tượng trưng cho sự thống nhất của ASEAN.

B. MỘT SỐ KINH NGHIỆM KHI SỬ DỤNG TƯ LIỆU PHỤC VỤ DẠY HỌC ĐỊA LÍ 11

Những tư liệu trên đây được cập nhật chủ yếu từ Internet, vì vậy học sinh cũng có thể đã biết những thông tin này. Do đó, khi tiến hành dạy các bài có nội dung cần bổ sung tư liệu tham khảo thì trước hết giáo viên cần đặt những câu hỏi gợi mở cho cả lớp xem có em nào đã biết được thông tin đó chưa, nếu có thì mời học sinh đó đứng dậy trả lời. Sau đó, giáo viên nhận xét và kết luận.

Ví dụ:

- Khi dạy mục Bài 1 – mục III: Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại. Để học sinh có thể liện hệ với các thành tựu khoa học kĩ thuật của những năm đầu thế kỉ XXI, giáo viên đặt câu hỏi: Em hãy cho biết những thành tựu khoa học kĩ thuật nỗi bật những năm đầu thế kỉ XXI ?

- Hoặc khi dạy bài 6 – Tiết 1 – Tự nhiên và dân cư Hoa Kì: GV có thể đặt câu hỏi tại sao vừa gọi là Hoa Kì vừa gọi là Mĩ ? Nguồn gốc của các tên gọi này ?

- Hoặc khi dạy bài 10 – Tiết 2 – Kinh tế Trung Quốc: Khi nói về thành tựu phát triển kinh tế của Trung Quốc, đặc biệt là trong chính sách mở cửa kinh tế, GV nêu tên một trong những đặc khu kinh tế thành công nhất của Trung Quốc là Thâm Quyến. Sau đó, đặt câu hỏi cho HS xem có em nào biết về địa danh này không. Cuối cùng GV có thể nêu một vài nét tiêu biểu của Thâm Quyến.

Trường hợp, không có học sinh nào biết được thông tin để trả lời câu hỏi mà giáo viên đặt ra thì giáo viên nên trình bày ngắn gọn ý chính và hướng dẫn học sinh về nhà tự tìm hiểu thêm. Điều này vừa làm cho học sinh thấy hấp dẫn, thú vị với các kiến thức địa lí đồng thời không làm quá tải nội dung bài học theo quy định.

Bên cạnh đó, một điểm cần chú ý là, không phải những tư liệu cập nhật trong chuyên đề này đều được sử dụng giảng giải trực tiếp vào trong các nội dung bài học mà có những tư liệu chỉ mang tính tham khảo cho giáo viên, giúp giáo viên hiểu sâu hơn về các kiến thức trong SGK, đồng thời giúp giáo viên tự tin hơn trong quá trình giảng bài trên lớp.

III. KẾT LUẬN

Với mong muốn góp thêm nguồn tư liệu để các giáo viên Địa lí trong tổ chuyên môn tổ chức các bài học Địa lí theo quan điểm đổi mới, cung cấp nhiều kiến thức để học sinh hiểu sâu thêm các bài học trong SGK. Bên cạnh đó, tác giả cũng mạnh dạn đưa ra một số kinh nghiệm sử dụng các nguồn tư liệu ngoài SGK Địa lí 11 vào trong các bài học địa lí mà không làm cho các giờ học quá tải, vẫn đảm bảo đúng nội dung theo chuẩn kiến thức, kĩ năng do Bộ GD & ĐT quy định.

Dù đã cố gắng trong việc cập nhật tư liệu và biên soạn, song chuyên đề chắc không tránh khỏi những khiếm khuyết và hạn chế. Vì vậy, rất mong nhận được ý kiến, nhận xét đóng góp của các đồng nghiệp, để việc sử dụng các tư liệu này có hiệu quả hơn trong quá trình dạy học Địa lí 11 trong thời gian tới.

Buôn Ma Thuột, ngày 10 tháng 10 năm 2018

Người thực hiện

Bùi Văn Tiến

PHẦN ĐÁNH GIÁ VÀ XẾP LOẠI CỦA HỘI ĐỒNG
XÉT SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM, CHUYÊN ĐỀ TRƯỜNG
(Chủ tịch HĐ xếp loại, ký và đóng dấu)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Xếp loại: .....

Buôn Ma thuột, ngày.....tháng.....năm 201
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PHẦN ĐÁNH GIÁ VÀ XẾP LOẠI CỦA HỘI ĐỒNG XÉT SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM, CHUYÊN ĐỀ SỞ GD&ĐT ĐẮK LẮK

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

TƯ LIỆU THAM KHẢO

1-Sách giáo khoa và sách giáo viên ĐL 11-NXBGD Việt Nam

2-Giới thiệu giáo án ĐL 11-NXB Hà Nội

3- Kiến thức cơ bản ĐL 11-NXB ĐHQG TP. Hồ Chí Minh

4-Tư liệu ĐL 11-Nguyễn Đức Vũ (chủ biên)-NXBGD Việt Nam

5-Kiến thức địa lí thế giới trong nhà trường-NXBGD Việt Nam

6- Kiến thức địa lí thế giới trong nhà trường (Tập II) -NXBGD Việt Nam

7-Các nguồn tư liệu trên Internet